

LỜI NÓI ĐẦU

Rừng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của con người trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nó không những biểu hiện cho sức mạnh về kinh tế của Quốc gia đó mà còn cung cấp các sản phẩm cần thiết cho con người, hạn chế thiên tai, lũ lụt... Tuy vậy, hiện nay thì rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng, các diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, nhiều loại sinh vật quý hiếm đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Hằng năm tình trạng thiên tai, lũ lụt hạn hán thường xuyên đe dọa cuộc sống người dân. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã đưa ra các biện pháp nhằm cải thiện phần nào các tác hại trên nhưng chưa giải quyết một cách tối ưu nhất. Ngoài ra, việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới có thể tái tạo khả năng sản xuất của rừng, tận dụng các sản phẩm thừa, duy trì sức sản xuất và chức năng sinh thái. Thế nhưng những công nghệ kỹ thuật này chỉ ở một giới hạn nào đó chứ chưa đảm bảo sự an toàn cho cuộc sống của người dân trong tương lai.

Nguyên nhân mất rừng và sự suy giảm tài nguyên rừng do nhiều nguyên nhân: trước tiên hết là do hậu quả của chiến tranh, ảnh hưởng của các chất hoá học làm rừng mất khả năng tái sinh; canh tác nương rẫy dẫn đến cháy rừng; khai thác lâm sản bừa bãi,... Các nguyên nhân trên đã tác động mạnh vào hệ sinh thái, làm cho bầu không khí, nhiệt độ trái đất nóng dần lên, các ảnh hưởng khác về tài nguyên môi trường cũng rất mạnh. Bên cạnh đó vấn đề gia tăng dân số, di dân tự do vào các vùng dự án đã tác động mạnh vào rừng. Không những vậy, rừng ngày càng bị tàn phá do nhu cầu về năng lượng ngày càng tăng lên và luôn không có giới hạn.

Đối mặt với những khó khăn như hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách về lâm nghiệp để định hướng phát triển lâu dài và giảm được phần nào sự phụ thuộc của người dân vào rừng đồng thời tăng cường phục hồi rừng, quản lý bảo vệ rừng thu hút các nguồn nhân lực trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Cụ thể, nghị định 02 CP, 01CP về giao và khoán đất lâm nghiệp, nghị quyết 04/QĐBT của tỉnh Bình Thuận về xây dựng và phát triển toàn diện dân sinh kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và quyết định 661/CP về chương trình 5 triệu ha rừng,... Thông qua các nghị định chính sách trên ta thấy chủ yếu đều nhằm tăng cường cho công tác quản lý bảo vệ rừng và phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao đời sống, cải thiện về mặt kinh tế xã hội cho các hộ đồng bào, đồng thời giúp họ quản lý rừng tốt hơn.

Trong thực tiễn, nhiều động lực thúc đẩy và các biện pháp khả thi nhằm khuyến khích người dân tham gia vào quản lý tài nguyên rừng, trong đó giao rừng

là một giải pháp đang được thực thi để động viên người dân trong đó có các cộng đồng tại chỗ tham gia vào quản lý tài nguyên rừng. Nhằm thực hiện chủ trương này, Ban Quản Lý (BQL) rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đami đã thực hiện công tác giao khoán rừng cho các cộng đồng sống gần rừng mà cụ thể là cộng đồng dân tộc K'ho thuộc xã La Dạ- huyện Hàm Thuận Bắc.

Tại đây, các bên liên quan đang tham gia thực thi vào tiến trình giao rừng này. Nhằm nắm bắt một cách cụ thể về sự tham gia của các bên liên quan, hiệu quả và tác động của công tác và rút ra được những bài học, chúng tôi tư liệu hoá tiến trình giao rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận –Đa mi như là đề tài để xây dựng luận văn tốt nghiệp: ***”Sự tham gia của các bên liên quan trong tiến trình giao rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi tỉnh Bình Thuận”***

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Phân tích tiến trình thực thi giao khoán rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami, Bình Thuận
- Tìm hiểu trách nhiệm và quyền lợi của các bên liên quan trong quá trình nhận rừng
- Phân tích hiệu quả, tác động của công tác giao rừng đối với người dân trong khu vực nghiên cứu

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

1.1 - Mục đích của công tác giao rừng

- *Ổn định đời sống cho người dân vùng rừng:*

Người dân là người sống gần với rừng nhất, họ vốn rất am hiểu về khu rừng mà mình đang sống. Điều này sẽ rất thuận lợi cho công tác tuần tra bảo vệ rừng. Vốn gần rừng nên các vật dụng chủ yếu từ rừng như gỗ, củi và các loại rau rừng,...Việc tiến hành giao rừng cho người dân vừa đảm bảo công tác quản lý bảo vệ rừng tốt hơn vừa góp phần cải thiện phần nào cho cuộc sống của người dân vốn đang gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay theo chủ trương của Nghị quyết 04 là xây dựng và phát triển toàn diện dân sinh, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó công tác giao rừng đang là phương án thực hiện đầu tiên.

- *Tái tạo tài nguyên rừng*

Thông qua giao khoán rừng phần nào huy động được thế mạnh tổng hợp trong quản lý bảo vệ tài nguyên rừng của cộng đồng địa phương, mỗi thành viên tham gia nhận khoán rừng sẽ góp công sức của mình trong việc bảo vệ rừng. Khi người dân tham gia nhận rừng, coi như họ đã trở thành chủ của lô rừng, họ sẽ gắn trách nhiệm của mình với lô rừng nhận khoán của mình. Có trách nhiệm như vậy sẽ làm giảm tình trạng người ngoài tiếp cận tự do vào rừng để khai thác gỗ trái phép. Công tác tuần tra QLBRV sẽ góp phần làm ngăn chặn tình trạng khai thác lâm sản trái phép, hạn chế cháy rừng. Khi đó tài nguyên rừng sẽ không những tăng về số lượng mà còn tăng về chất lượng.

1.2 - Ý nghĩa thực tiễn của công tác giao rừng

1.2.1 - Bảo vệ tài nguyên rừng

Bảo vệ tài nguyên rừng là một trong những công việc quan trọng, trong đó công tác giao rừng là gắn trách nhiệm của người dân với rừng, đưa người dân làm người trọng tâm trong nghề rừng. Nhưng hiện nay do sự tiếp cận thiếu hiểu biết của cộng đồng bên ngoài vào rừng làm ảnh hưởng lớn đến nhiều diện tích rừng. Vì nhu cầu cuộc sống buộc họ phải làm như vậy, họ không cần biết những ảnh hưởng của rừng như thế nào, điều cần trước mắt đối với họ là ổn định thu nhập cho cuộc sống của họ. Đứng trước thực trạng tài nguyên rừng ngày càng bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương chính sách đúng đắn nhưng phải phù hợp với xu thế phát triển lâm nghiệp hiện

nay. Chính sách này không những dễ áp dụng cho cộng đồng miền núi mà còn có thể áp dụng ở nhiều khu vực khác. Trọng tâm giao khoán rừng trước mắt là bảo vệ tài nguyên rừng.

1.2.2- Bảo vệ sự đa dạng sinh học

Với thành phần hệ thực vật chủ yếu là các loại gỗ bằng lạng cùng với một số cây gỗ quý khác. Song song với sự phong phú của một số hệ thực vật rừng còn là nơi cư trú của nhiều loài chim - thú rừng.

Ngày nay khi mà sự tác động quá mức của con người vào rừng, khi mà sự tiếp cận của con người lớn đã làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, rừng không còn giữ được sự phong phú của một số loài thực vật mà nhiều muông thú sẽ không còn nơi để trú ẩn. Công tác giao rừng được tiến hành với phương châm bảo vệ và tái tạo lại sự phong phú của vốn rừng trước đây.

1.2.3 - Bảo đảm cân bằng hệ sinh thái

Hệ sinh thái trên trái đất bao gồm con người, đất, thực vật,... tất cả tồn tại như một mắt xích chung nhất. Khi có một lý do bào đó mà một mắt xích bị phá vỡ nó sẽ kéo theo sự mất đi của mắt xích khác. Nhưng để tồn tại thì mắt xích đó phải có đầy đủ yếu tố để tồn tại. Tài nguyên rừng cũng như vậy, chúng cần phải có những điều kiện cần như: các yếu tố về điều kiện tự nhiên đất, nước, không khí là vô cùng quan trọng, chúng tồn tại tho chu trình cân bằng nhau, nếu một trong số các yếu tố này mất đi sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại của cây. Ví dụ khi hệ thực vật rừng không còn thì hệ động vật rừng cũng sẽ không tồn tại được,... chính vì vậy việc bảo vệ tài nguyên rừng phần nào bảo vệ và giữ được các hệ sinh thái tồn tại trong tự nhiên tự điều chỉnh và cân bằng

1.2.4 - Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật

Khi được nhận khoán rừng thì người dân đã tham gia vào việc quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, họ trở thành những người ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sự nghiệp phát triển rừng...Những thành tựu khoa học tiến bộ sẽ được chuyển giao đến trực tiếp tay người dân, tất cả sẽ được ứng dụng ngay trên lô rừng mà mình nhận khoán.

Với mục tiêu chuyển từ nền lâm nghiệp nhà nước sang lâm nghiệp xã hội, đây lại là vấn đề mà nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang áp dụng triệt để. Trong mọi hoạt động sẽ có nhiều vấn đề nảy sinh và cần có những biện pháp để giải quyết, việc áp dụng những thành tựu khoa học vào công tác giao khoán rừng là hết sức cần thiết.

1.2.5 - Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư với rừng

Người dân vùng nông thôn vốn kém hiểu biết, họ cho rằng tài nguyên rừng do thiên nhiên ban tặng sẽ tồn tại vĩnh viễn, đâu có mất đi trước mắt nhưng về lâu dài sẽ hình thành trở lại. Với suy nghĩ như vậy do đó người dân cứ tự nhiên tác

động khai thác rừng mà không cần chú ý đến những lợi ích mà rừng mang lại như: các giá trị về sinh học, sinh thái, khoa học, du lịch sinh thái cũng như không chú ý đến những bất lợi từ việc khai thác quá mức này gây ra như :lũ lụt, hạn hán,... Khi khai thác quá mức đến một lúc nào đó tài nguyên rừng sẽ bị cạn kiệt thì dẫn đến cân bằng sinh thái sẽ không còn và những ảnh hưởng như đã nói ở trên là không thể tránh khỏi.

Những vấn đề như vậy đòi hỏi phải có một công tác tuyên truyền mạnh nhằm tạo cho người dân ý thức tốt trong quản lý bảo vệ rừng, mà giao rừng đang là một trong những nội dung nâng cao vai trò nhận thức của người dân.

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG - PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU

2.1- Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami, Địa bàn tiến hành giao rừng thuộc Xã La Dạ - Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.

2.1.1 - Tình hình cơ bản khu vực nghiên cứu:

Khu vực tiến hành thiết kế giao khoán thuộc xã La Dạ, được chia thành 19 tiểu khu gồm : 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 171 và 177 thuộc địa giới hành chính của hai xã Đa mi và xã La Dạ.

Vị trí địa lý

- 12⁰35'275'' đến 12⁰ 41'150'' vĩ độ Bắc

- 807⁰ 465' đến 815⁰750'

- Phía Bắc giáp nhánh suối Da R'Gniel

- Phía Nam giáp sông La Ngà là ranh giới huyện Hàm Thuận Bắc – Huyện hàm Thuận Nam

- Phía Đông giáp nhánh suối Da Klane

- Phía Tây giáp suối Da Sô là ranh giới huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Tánh Linh

Tổng diện tích đơn vị quản lý : 23.230 ha

Khu vực tiến hành thiết kế giao khoán được chia làm 2 lần. Lần 1 là 2 tiểu khu 171, 177; lần 2 là các tiểu khu 158, 159, 160, 161, 162, 163, 153, 156, 157 và 152. Theo mục tiêu của đề tài là phải nắm được công tác giao rừng tại đây từ đó có những bài học về công tác giao rừng. Ngoài việc nắm bắt rõ hiệu quả của công tác này, còn phân tích về các bên tham gia trong công tác giao rừng tại đây, vì vậy chúng tôi chọn các tiểu khu 171, 177 và 152 vì nó đáp ứng các yêu cầu:

- Đây là địa bàn đầu tiên tiến hành giao rừng
- Cộng đồng dân tộc K'ho chủ yếu tập trung ở đây
- Có đủ dữ liệu để dùng GIS vào quản lý dữ liệu rừng

2.2- Điều kiện địa lý tự nhiên

2.2.1 - Địa hình

- Khu vực thiết kế giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc năm 2003 của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi có địa hình đồi núi thoải, độ cao thấp dần từ Bắc xuống Nam và Đông Nam. Điểm cao nhất so với mực

nước biển là 504 m và thấp nhất là 151. Có nhiều nhánh suối nhỏ và suối cạn theo mùa chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam đổ về sông La Ngà. Hệ thống đường giao thông hiện có thuộc công trình thủy điện Hàm Thuận nối liền 2 khu vực giao khoán thuộc 2 tiểu khu 171 và 177 đến khu dân cư của xã La Dạ vì vậy rất thuận lợi cho công tác tổ chức quản lý bảo vệ rừng.

2.1.3 - Thổ nhưỡng:

- Lập địa chung của khu thiết kế giao khoán bảo vệ rừng thuộc loại đất Feralit núi, đất Feralit vàng xám, đất Feralit vàng nâu trên đá Mác ma acid, đất Macma acid và á cát, đất xám bạc màu trên phù sa cổ và đất bồi tụ.

2.1.4 - Đặc điểm khí hậu - thủy văn:

BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận –Đami thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu được chia làm 2 mùa rõ rệt.

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11
- Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.
- Nhiệt độ cao nhất 35⁰C.
- Nhiệt độ thấp nhất 19⁰C.
- Nhiệt độ bình quân 28⁰C - 29⁰C.

Về lượng mưa :

- Lượng mưa bình quân ở những khu vực có độ cao (La Dạ, Đa mi,...) trên 1600 mm/ năm.
- Ở những vùng thấp hơn như: Đông Tiến khoảng 1.120 mm/năm.
- Lượng mưa tập trung nhiều nhất ở các tháng 7, 8 và 9.

Thủy văn :

Toàn bộ khu vực thiết kế giao khoán bị chia cắt bởi những khe suối nhỏ không có nước vào mùa khô và hệ thống các suối lớn như: Đa mi, Đa sô, Đa'Gniel, Đa Klan; ranh giới mạch nước ngầm ở mức trung bình.

2.3 - Tình hình dân sinh - kinh tế xã hội khu vực nhận khoán bảo vệ rừng

Khu vực thiết kế giao khoán nằm trên địa bàn xã La Dạ, xã Đa Mi thuộc vùng cao của tỉnh Bình Thuận, theo chủ trương của Tỉnh năm 2003 chủ yếu tập trung giao khoán cho xã La Dạ, đồng bào chủ yếu là người dân tộc K'ho sinh sống, thu nhập chính là nhờ vào canh tác nương rẫy, một ít ruộng lúa nước. Năng suất cây trồng còn thấp, hộ nghèo còn chiếm đa số. Được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà Nước, mà chủ yếu là nhờ bồi thường của công trình thủy điện Đa mi tại xã đã có trường học, trạm xá, nước sạch, đường giao thông và điện lưới để phục vụ đời sống bà con trong vùng.

Dự án giao khoán được triển khai trên địa bàn vùng sâu vùng xa, trình độ nhận thức của bà con nơi đây còn hạn chế, chưa tiếp cận được những kiến thức mới về khoa học kỹ thuật nên sản xuất vẫn còn mang tính tự cung tự cấp, sản

xuất đến đâu thì sử dụng đến đó chứ chưa có dự trù cho tương lai. Chưa có sự hỗ trợ về mặt khuyến nông - khuyến lâm.

2.3.1 - Tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp

2.3.1.1 - Sản xuất nông nghiệp:

Tổng diện tích gieo trồng, chăm sóc 1072.9 ha/ 1447,6 ha, đạt 74.1%, tăng 212 ha so với năm 2002, trong đó:

+ Diện tích cây lâu năm: 769.67 ha (cây đào: 565,44 h, cây ăn quả các loại 72,1 ha, tre Mạnh tông 21.9 ha, xà cừ 16.6 h, cao su 96,63 ha)

+ Cây hằng năm :303.23 ha (bắp lai 155.43 ha, lúa cạn 0.5 ha, đậu các loại 4 ha, rau các loại 4.2 ha)

Diện tích trồng bắp lai tăng 104.4 ha so với năm 2002 nhờ áp dụng phương thức “ *bán chịu, trả chậm*” đầu tư ứng trước khâu làm đất, giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thu mua sản phẩm của trung tâm DVPTTMMN. Các mô hình điểm thâm canh 4,1 ha lúa nước tại Đa Lanh, 3,6 ha bắp lai tại Đtrian đã hỗ trợ vật tư, kỹ thuật giúp đồng bào sản xuất kịp thời vụ, năng suất đạt bình quân trên 40tạ/ ha. Diện tích gieo trồng, chăm sóc không đạt kế hoạch do chỉ tiêu đề ra quá cao, khâu khai hoang san ủi mặt bằng để tiến hành gieo đất theo NQ 04 Tỉnh uỷ chậm theo kế hoạch.

Đại bộ phận dân cư sống bằng sản xuất nông nghiệp, cây canh tác chủ yếu của họ là các cây ngắn ngày như cây đào và cao su cùng với một ít(diện tích lúa nước, cây ăn quả các loại. Vốn có trình độ văn hoá thấp, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật chậm nên mặc dù có sự hỗ trợ về giống và kỹ thuật nhưng vẫn không đạt hiệu quả trong việc tăng năng suất, chỉ là hiệu quả đối với các cây ngắn ngày chứ chưa có đạt năng suất cao đối với các loại cây lâu năm, ngoài ra họ còn gặp khó khăn về sự hỗ trợ của khuyến nông - khuyến lâm, đầu ra của sản phẩm.

2.3.1.2 - Sản xuất lâm nghiệp

Đã giao khoán quản lý BVR năm 2002 được 600 ha/15 hộ, năm 2003 đã giao 8230 ha/ 242 hộ, vượt 4300ha/ hộ so với kế hoạch đề ra. Diện tích 4530 ha giao năm 2002 và 2003 đã nghiệm thu, thanh toán tiền hết quy 3/2003. với mức tiền công cho mỗi hộ là 100.000/ha/năm, mỗi hộ được giao 30-40 ha. Đồng bào có thêm thu nhập đã hạn chế rất nhiều và cơ bản là không còn tình trạng phá rừng làm rẫy so với trước đây. UBND xã, Chủ tịch, Phó chủ tịch xã đã kiểm điểm trách nhiệm quản lý Nhà nước về công tác quản lý bảo vệ rừng, quán triệt chỉ thị 12 chính phủ, chỉ thị 17 của huyện uỷ, thành lập ban chỉ huy phối hợp với chủ rừng, kiểm lâm địa bàn truy quét, phân loại và cho làm cam kết các đối tượng vi phạm quy chế quản lý bảo vệ rừng. Tuy nhiên vẫn còn lén lút xảy ra các đối tượng khai thác vận chuyển lâm sản, săn bắn thú rừng trái phép. Do các đối tượng cư trú trái phép cùng phối hợp với người dân địa phương.

Hiện nay công tác giao rừng đã chủ động thành lập các tổ tuần tra bảo vệ diện tích rừng được giao. Công tác phòng chống cháy rừng cũng đạt hiệu quả cao nhờ sự tuần tra thường xuyên và phối hợp tốt giữa BQL và các hộ dân.

Với các hoạt động chủ yếu là giao khoán quản lý bảo vệ rừng, phòng chữa cháy rừng,... trong 3 năm tiến hành đã thu hút một lực lượng lớn là người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện phần nào đời sống cho các hộ đồng bào dân tộc.

2.4 - Tình hình giao thông cơ sở hạ tầng

2.4.1 - Tình hình giao thông

Sau khi xây dựng nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, các tuyến đường giao thông từ khu vực lòng hồ Hàm Thuận và hồ Đa Mi nối liền nhau và thông thương với thị xã Bảo Lộc thì vùng này phát triển với tốc độ nhanh, điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất nông nghiệp để nâng cao đời sống kinh tế- xã hội nơi đây.

Hiện nay trục đường đi ngang qua các xã : Đông Giang, Đông Tiến, La Dạ và Đami góp phần thông thương về kinh tế xã hội với các vùng và công tác quản lý bảo vệ rừng dễ dàng và thuận lợi hơn.

2.4.2 - Tình hình đời sống

Nhờ sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan tổ chức trong và ngoài tỉnh trong sản xuất, đến nay toàn xã có 164 nhà xây, có 150 căn nhà tái định cư do dự án đền bù 2m³/S, 160 nhà tôn gỗ, 236 nhà tranh, toàn xã hiện có 127 hộ thuộc diện nghèo đói, có 168 xe máy, 169 ti vi, 201 Radio- catset. Qua khảo sát các hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn xã hiện nay có 82 căn nhà tạm, 10 hộ chưa có nhà.

Trong năm 2003, được sự giúp đỡ cứu trợ cả Huyện, Tỉnh và các tổ chức từ thiện đã giúp cho 6.058 lượt khẩu với 24.760 kg gạo và một số đồ dùng khác như: mùng, mền và thuốc chữa bệnh trị giá 307,22 triệu đồng. Bưu điện Tỉnh đã tổ chức kết nghĩa giữa đoàn thanh niên và phụ nữ xã tổ chức giao lưu tham quan, tặng quà với số tiền 3 triệu đồng, giúp chị em phụ nữ có vốn sản xuất. Trường PTTT Phan Bội Châu kết nghĩa tặng trường tiểu học xã 600 chiếc ghế nhựa trị giá 4,2 triệu đồng,...

Ngân hàng phục vụ người nghèo đã quan tâm đến các đồng bào dân tộc thiểu số vay vốn sản xuất. Đến nay đã có 86 hộ được vay 357,8 triệu đồng và 95 hộ được vay 126 con bò,... Tuy nhiên so với mức sống chung trong toàn huyện thì đời sống nhân dân toàn xã vẫn còn nhiều khó khăn.

Như vậy có thể thấy tình hình đời sống của người dân ở đây gặp khá nhiều khó khăn, các hoạt động sản xuất nông nghiệp chưa cải thiện nhiều cho đời sống của họ. Cuộc sống còn phụ thuộc quá nhiều vào trợ cấp và sự giúp đỡ của các tổ chức từ thiện.

2.4.3 - Về y tế

Xã đã có 1 trạm chính và 2 phân trạm, có một bác sỹ, 5 y sỹ, 2 y tá phục vụ khám chữa bệnh tại chỗ. Chất lượng khám và điều trị đã tiến bộ hơn nhiều so với trước đây. Đã hạn chế được dịch bệnh sốt rét, thương hàn, tiêu chảy. Đa số nhân dân khi đau bệnh đều đến trạm y tế khám và điều trị, xoá bỏ dần tập tục lạc hậu và mê tín...Tuy đã có tiến bộ nhiều so với trước nhưng vẫn còn một số hạn chế trong khâu vệ sinh, công tác xử lý phân, nước thải trong sinh hoạt chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Một số thai phụ còn tập quán sinh đẻ tại nhà, chưa đến trạm y tế. Số cặp vợ chồng sinh con thứ ba đã hạn chế nhiều so với trước đây. Tuy nhiên tỉ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng còn khá cao(48.2%). Trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh chưa đảm bảo. Cơ sở vật chất của trạm y tế còn thiếu, chưa đạt chuẩn Quốc gia.

Mặc dù có cải thiện nhiều nhờ bồi thường của dự án thủy điện Đami và các tổ chức từ thiện khác nhưng nhìn chung thì cơ sở vật chất còn quá lạc hậu. Toàn xã mà chỉ có 1 - 2 trạm để khám bệnh thì quá ít. Công tác tuyên truyền vận động bà con khám chữa bệnh mặc dù có cải thiện nhưng vẫn ở mức là có làm chứ chưa đạt hiệu quả cao.

2.4.4 - Giáo dục

Tình hình cơ sở vật chất đảm bảo cho dạy học. Có hai trường và 2 phân hiệu tiểu học, có 19 lớp, trong đó (17 lớp tiểu học và hai lớp mẫu giáo); tình hình đội ngũ giáo viên hầu hết ở các xã đồng bằng có 25 cán bộ công nhân viên. Năm học 2003-2004, xã đã thành lập trường cấp hai, với 215 học sinh, 12 giáo viên, tiểu học có 17 lớp/ 436 học sinh. Mẫu giáo có 2 lớp/50 cháu. So với năm trước, các em học sinh học thuận lợi hơn, số học sinh lưu ban đã hạn chế nhiều. Các chính sách chế độ theo quyết định 64 của tỉnh được đảm bảo, các cháu mẫu giáo cũng được hưởng chế độ theo quy định. Tuy nhiên hiện nay cơ sở vật chất, nơi ăn ở cho giáo viên có thiếu. Được sự giúp đỡ của Thanh niên tình nguyện năm 2003, đã tham gia xoá mù chữ cho 30 học viên trong độ tuổi. Xã sắp được công nhận chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục đúng tuổi và chống mù chữ. Mặt bằng dân trí, mức hưởng thụ văn hoá của đồng bào ngày được nâng lên, đội ngũ giáo viên đã được chuẩn hoá. Tỷ lệ huy động trẻ em đến trường ngày càng tăng, bình quân 98%. Hạn chế lưu ban bỏ học.

Theo chính sách của Tỉnh là hỗ trợ đội ngũ giáo viên ở huyện lên dạy học tại xã thì việc thiếu đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất dạy học là tạm ổn. Tuy nhiên vấn đề khó khăn là công tác tuyên truyền vận động con em đi học lớp 1 và duy trì học khi đang còn học. Vì cuộc sống khó khăn, gia đình lại đông người nên khả năng duy trì học cao hơn cấp I là hầu như không có. Đây là vấn đề mà Tỉnh, huyện cũng như xã đang hết sức cố gắng để giải quyết. Mà vấn đề học vấn, sự

hiểu biết của người dân có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng các mô hình, dự án chính sách tại địa phương nói chung và dự án giao rừng nói riêng.

2.4.5 - Tình hình an ninh quốc phòng

Tình hình An ninh trật tự toàn xã được duy trì, kịp thời ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái phép. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì theo kế hoạch. đến nay xã xây dựng được 97 DQTV. Duy trì 4 công an viên /thôn. Công tác giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu đảm bảo chất lượng, tham gia các lớp bồi dưỡng quốc phòng đạt theo kế hoạch. Tuy nhiên tình hình an ninh trật tự còn diễn biến phức tạp nổi cộm là các vụ tranh chấp đất nhất là ở thôn 4, dân di cư, tình hình trộm cắp dê, heo, gà, xe máy ...còn phức tạp việc quản lý hộ khẩu hộ tịch, say xỉn chống người thi hành công vụ còn xảy ra nhiều, công tác mai phục xử lý các đối tượng vi phạm còn khá lúng túng. Các gia đình chưa có ý thức bảo vệ tài sản, chưa làm chuồng, đóng khoá cẩn thận để kẻ xấu lợi dụng đột nhập lúc vắng nhà.

Nhìn chung tình hình an ninh ở đây còn tương đối phức tạp, do tình trạng dân không có việc làm ổn định di cư trà trộn vào nên xã gặp rất nhiều khó khăn trong quản lý. Quỹ đất nông nghiệp giảm dần đến tình trạng vi phạm phá rừng, lấn đất sản xuất nông nghiệp.

2.5 - Tình hình tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp (căn cứ kết quả kiểm rừng năm 1999 và quy hoạch 3 loại rừng) như sau :

		Rừng phòng hộ
Tổng diện tích rừng tự nhiên	25.155	25.155
A. Đất có rừng	19.661	19.661
I. Rừng tự nhiên	19.661	19.661
1.1 Rừng TX + NRL	11.286	11.286
- Rừng giàu (IIIA3)	648	648
- Rừng TB (IIIA2)	1.114	1.114
- Rừng nghèo(IIIA3)	934	934
- Rừng non(IIB)	2.590	2.590
- Rừng non(IIA)	5.996	5.996
1.2 Rừng tre, lồ ô	1.479	1.479
- Lồ ô	1.193	1.193
- Le	286	286
1.2 Rừng hỗn giao gỗ - lồ ô	6.895	6.895
- Hỗn giao gỗ - lồ ô	1.558	1.558
- Hỗn giao lồ ô – gỗ	5.338	5.338
2. Rừng trồng	0	0

B. Đất không có rừng	4.465	4.465
- Đất cỏ	410	410
- Đất lâu bụi	2.880	2.880
- Đất gỗ rải rác	1.179	1.179
C. Đất khác	1.025	1.025
- Nông nghiệp	763	763
- Các loại khác	260	260

2.6 - Tình hình sử dụng đất lâm nghiệp

BQL và Xã đã tiến hành giao khoán cho 8.830/257 hộ. Trong đó diện tích rừng thuộc địa phận xã La Dạ là 4.530 ha/114 hộ, diện tích rừng thuộc lâm phận xã Đa mi là 4300/143 hộ. Đến nay đã nghiệm thu xong quý III/2003 đối với rừng giao đợt I. Ủy ban nhân dân Xã đang đề nghị giao 3000 ha rừng của Lâm trường Hàm Thuận Bắc cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số quản lý, bảo vệ.

Theo phương án quản lý sản xuất kinh doanh rừng giai đoạn 2001-2005 của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami thì việc bố trí các hoạt động lâm nghiệp chủ yếu tập trung vào :

Loại đất	Diện tích(ha)
Trồng rừng (dự án 661)	450ha
Khoanh nuôi phục hồi	3200
Khai thác lâm sản phụ (lồ ô, le)	974,5
Giao khoán bảo vệ rừng	8.886,5 ha

Do mới tiến hành thực hiện Nghị quyết 04, hiện nay tất cả diện tích rừng đều tập trung để giao cho các hộ quản lý. Với mục tiêu chính là ngăn chặn mức cao nhất tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản phụ, ổn định đời sống cho bà con. Nên chưa có chủ trương trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng mới; nếu có chủ yếu tập trung trồng khoanh nuôi những diện tích đất trống đồi trọc, đất bỏ hoang.

2.2. Nội dung nghiên cứu :

2.2.1 - Phân tích tiến trình thực thi giao rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami

- Tìm hiểu công tác chuyển giao quyền quản lý rừng từ Nhà nước đến địa phương và trong quá trình thực hiện ngoài thực tế,
- Sự tham gia và vai trò các bên liên quan trong tiến trình giao rừng: mức độ tham gia của người dân, thái độ làm việc của họ trong tiến trình giao thực thi giao khoán quản lý bảo vệ rừng.
- Cách thức các hộ dân tham gia tuần tra QL BVR theo như trong hợp đồng khoán

2.2.2 - Phân tích hiệu quả và tác động của công tác giao rừng

- Tìm hiểu đối tượng được nhận rừng, trách nhiệm, quyền lợi và nguyện vọng của họ trong công tác giao rừng (đồng ý hay không đồng ý, mong muốn của họ như thế nào về lâu dài, có cần cải thiện thêm vấn đề gì không),
- Thuận lợi và khó khăn của BQL và người dân quá trình giao rừng
- Trách nhiệm và quyền lợi của các bên khi tham gia nhận khoán quản lý bảo vệ rừng
- Sử dụng GIS trong quản lý dữ liệu theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, trong đó có công tác giao khoán quản lý rừng.

2.3 - Phương pháp nghiên cứu:

Để có được thông tin cần thiết chúng tôi tiến hành các công việc sau:

2.3.1 - Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp:

Thu thập tất cả các văn bản liên quan đến giao rừng như :

- Phương án tổ chức quản lý bảo vệ và sản xuất kinh doanh của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đa mi từ năm 2002-2004.
- Hồ sơ thiết kế giao khoán rừng của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami trong hai đợt 2002 và 2003.
- Các biên bản nghiệm thu, biên bản quyết thanh toán hàng quý, năm cho các hộ nhận khoán về sự biến động tài nguyên rừng do tình trạng chặt phá trái phép của lâm tặc, lấn chiếm đất làm rẫy.
- Văn bản báo cáo tình trạng thực hiện dự án giao khoán rừng của BQL từ năm 2002 đến năm 2004.
- Các loại bản đồ liên quan như: bản đồ hiện trạng, bản đồ kinh doanh, bản đồ giao khoán, ... tỷ lệ 1/25.000, 1/10.000, 1/5.000.

2.3.2 - Nghiên cứu các văn bản pháp quy

Các công văn, quyết định thành lập dự án giao khoán rừng

Nghiên cứu về mục tiêu của dự án

Quy mô của dự án

Đối tượng tham gia

Những tác động tích cực của dự án

Quyết định của UBND Tỉnh Bình Thuận về phê duyệt dự án giao khoán.

Nắm được các vấn đề trọng tâm giao khoán rừng quanh khu dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, dân số lao động tham gia dự án, vốn đầu tư của dự án

Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các văn bản sau:

- + QĐ 327/CT năm 1992 về chủ trương giao đất, giao rừng của Chính phủ, liên hệ với thực tế tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami và nghiên cứu về chính sách đầu tư

+ Nghị định 02/CP ngày 15/1/1994 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất giao rừng cho mọi tổ chức, cá nhân hộ gia đình sử dụng vào mục đích lâu dài

2.3.4 - Nghiên cứu hiện trường

Phương pháp chung là sử dụng có chọn lọc một số công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) để thu thập thông tin như :

2.3.4.1 - Lựa chọn địa điểm nghiên cứu : Địa điểm lựa chọn nghiên cứu trực tiếp là nơi tiến hành giao rừng tập trung và nhiều nhất. Ngoài ra nó còn có đầy đủ cơ sở dữ liệu để đưa GIS vào đánh giá tài nguyên rừng và quản lý dữ liệu rừng. Cụ thể :

- Thôn 1, 2 và thôn 3 Xã La Dạ, Huyện Hàm Thuận Bắc. Đây là 3 xã tập trung chủ yếu là người dân tộc K'ho, hầu như tất cả đều tham gia nhận khoán. Cuộc sống của người dân nơi đây thuộc diện nghèo của toàn Xã. Mỗi thôn chọn đại diện 5 hộ đại diện cho hộ nghèo, hộ trung bình, hộ khá (có danh sách đính kèm) sau đó tiến hành phỏng vấn

- Các tiêu chí sau được sử dụng để phân hộ điều tra :

+ Hộ nghèo:

- (a) Thiếu ăn;
- (b) Không có đất sản xuất;
- (c) Không biết tổ chức sản xuất, canh tác nông nghiệp;
- (d) Khả năng nhận thức về dự án giao khoán còn rất kém;

+ Hộ trung bình:

- (a) Vừa đủ ăn;
- (b) Có đất sản xuất nhưng không nhiều;
- (c) Biết cách tổ chức sản xuất nhỏ lẻ trên diện tích đất của mình;
- (d) Khả năng nhận thức về dự án giao khoán chưa cao;

+ Hộ khá:

- (a) Đủ ăn;
- (b) Đất canh tác nông nghiệp nhiều;
- (c) Biết cách tổ chức sản xuất quy mô lớn, có khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra;
- (d) Có khả năng nhận thức tốt về dự án giao khoán, biết phát huy một cách tốt nhất khả năng nhận thức của mình, biết đóng góp ý kiến để dự án tiến hành tốt hơn

2.3.4.2- Phương pháp tiến hành

- Trao đổi, phỏng vấn với cán bộ làm dự án, cán bộ lâm nghiệp, cán bộ Xã (có danh sách kèm theo).
- Điều tra tổng thể khu vực giao khoán, vấn đề tài nguyên rừng, đất rừng, dân sinh kinh tế xã hội, canh tác nông nghiệp, cơ sở hạ tầng và các vấn đề

khác. Thăm và phỏng vấn một số hộ gia đình đang tham gia nhận khoán rừng.

- Phân tích SWOT kết hợp phỏng vấn các bên liên quan về sự tham gia trong tiến trình giao rừng.

2.3.4.3 - Tổng hợp, phân tích và viết báo cáo

Sử dụng một số chỉ tiêu để đánh giá tiến trình và hiệu quả của công tác giao rừng như :

+ Sự tham gia của người dân trong tiến trình : đó là sự hiểu biết, thái độ, hành vi và các mối quan tâm mà người dân hy vọng qua dự án. Thuận lợi và khó khăn của người dân gặp phải khi nhận giao khoán rừng. Những vấn đề về công ăn việc làm, thu nhập, quản lý rừng và nội dung khác từ giao khoán rừng mang lại

+ Ý kiến đánh giá của người dân đối với cách thực thi tiến trình giao rừng: đó là vấn đề quyền sử dụng - hưởng dụng tài nguyên rừng, quy định về tham gia giao khoán rừng...

+ Phân tích SWOT : sử dụng công cụ phỏng vấn bán cấu trúc

Tiến hành thảo luận hay trao đổi thông tin hai chiều, với các mục đích mà cả hai bên quan tâm hay giải thích những thắc mắc mà người dân gặp phải khi phỏng vấn, với các vấn đề liên quan đến giao khoán rừng cùng với nhiều nội dung mà người dân quan tâm

Phỏng vấn cán bộ tham gia giao khoán

Trưởng ban quản lý, các uỷ viên

Chủ tịch xã La Dạ, cán bộ lâm nghiệp xã

Phỏng vấn người dân tham gia nhận khoán rừng

Sau cùng là tổng hợp thông tin đã lọc ra các thông tin cần thiết: số hộ được tham gia nhận khoán, mức độ tham gia của các bên liên quan, hiệu quả và tác động, mức độ chấp nhận và ý kiến đánh giá của người dân đối với cách thực thi tiến trình giao rừng,...

2.3.4.5 - Sử dụng GIS theo hai khía cạnh xã hội và kỹ thuật:

Để tìm hiểu việc áp dụng GIS tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami, chúng tôi tiến hành những công việc sau:

- Thu thập các dữ liệu về địa điểm như: các bản đồ số hoá về khu vực tiến hành giao rừng theo tỉ lệ: 1/10.000.
- Phỏng vấn các cán bộ sử dụng Map, người dân về tác động của việc sử dụng công cụ này
- Các dữ liệu về danh sách các hộ tham gia nhận khoán
- Hiệu quả khi tiến hành sử dụng GIS tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami

- Những lợi ích khi ứng dụng GIS ngoài thực tế.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 - Các chính sách, văn bản của có liên quan đến chủ trương giao rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami

3.1.1 - Các chính sách của Nhà nước liên quan đến lâm nghiệp, trong đó có giao đất, giao rừng

Từ khi ban hành luật bảo vệ và phát triển rừng do Quốc hội nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 19/8/1991 thì đã có 116 văn bản pháp luật chủ yếu liên quan đến quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng. Các chủ thể cơ quan Nhà nước như BQL, Lâm trường là chủ dự án. Vì vậy mà hàng loạt công tác giao rừng được diễn ra với phương châm chủ yếu là phát triển lâm nghiệp cộng đồng có sự tham gia của người dân.

Có nhiều quy định về trách nhiệm quản lý rừng và đất rừng nhưng có hai hệ thống chuyển giao chính, đó là : giao đất lâm nghiệp và giao khoán quản lý bảo vệ rừng

- *Giao trực tiếp đất lâm nghiệp* (đất ở trạng thái không có rừng) cho nông hộ: Việc tiến hành giao đất lâm nghiệp dựa vào Nghị định 01/CP ban hành ngày 04/1/1995 của Chính phủ về giao khoán đất Nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nghị định nêu rõ : các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình. Quy định thời gian giao khoán đất Nông nghiệp để trồng mới cây lâu năm là 50 năm; cây hằng năm là 20 năm. Thời hạn giao khoán đất lâm nghiệp đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là 50 năm; rừng sản xuất thì theo chu kỳ cây.

Theo quy định của Nhà nước trên đây, nếu người dân có nhu cầu sẽ được tham gia nhận đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thường gọi là “sổ đỏ”, được cấp phát. Có nhiều loại giấy chứng nhận (trắng, vàng, xanh) và mang ý nghĩa khác nhau nhưng tương ứng với các giai đoạn khác nhau của tiến trình nhưng chỉ có sổ đỏ là có thể thế chấp để vay vốn ngân hàng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được cấp cho nông hộ trong trường hợp như rừng sản xuất.

- *Giao khoán quản lý bảo vệ rừng* : giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng cho tổ chức, hộ gia đình dưới hình thức ký hợp đồng khoán giữa BQL và tổ chức hộ gia đình với một thời hạn quy định

Quyết định 202/TTg, ngày 2/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng đã ghi rõ :

+ Đối với rừng đặc dụng : ở các khu cần bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình sống xen kẽ mà chưa hoặc không có khả năng di chuyển đi nơi khác. Ở khu vực cần phục hồi sinh thái, chủ rừng khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng mới cho hộ nhận khoán theo kế hoạch cấp vốn hằng năm của nhà nước.

+ Đối với rừng phòng hộ: ở vùng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và xung yếu, việc thực hiện giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới phải tuân theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami thì đa phần các diện tích rừng thuộc diện phòng hộ xung yếu, vì vậy chủ yếu là giao khoán rừng cho người dân bảo vệ, không có dự án trồng rừng.

Nhằm đảm bảo cho thực hiện công tác này, nhà nước ta đã ban hành Nghị định 02/CP ngày 15/1/1994 của Thủ Tướng Chính Phủ về giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Nghị định đã quy định rõ các đơn vị chủ thể nhận khoán, các loại đất tiến hành giao khoán, vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan khi tham gia nhận khoán. Các thủ tục, văn bản cần thiết khi tiến hành thực hiện giao khoán.

Năm 1999, Chính phủ đã ban hành nghị định 163 thay thế cho nghị định 02/CP, mở rộng việc giao rừng và đất rừng, quy định rõ về quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận đất rừng theo hai hình thức giao đất và cho thuê đất lâm nghiệp. Hiện nay tại địa phương mới chỉ áp dụng giao rừng cho các hộ đồng bào dân tộc, chưa có tiến hành giao đất.

Chỉ thị số 525-TTg ngày 12 tháng 11 năm 1993 về các biện pháp tiếp tục phát triển kinh tế xã hội ở miền núi. Văn bản nêu rõ cần cải thiện một số vấn đề để nâng cao đời sống của người dân

Quyết định 178/QĐ – TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao thuê, nhận khoán đất lâm nghiệp. Tuy quyết định đã ban hành nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà hiện nay nghị định này vẫn chưa áp dụng được.

Quyết định số 245 – TTg về tăng cường vai trò của quản lý nhà nước của các cấp chính quyền đã xác nhận vai trò của các Ủy ban nhân dân xã trong các hoạt động quản lý bảo vệ rừng.

Nghị định 12/CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống cháy rừng.

Nhằm đảm bảo cho công tác giao khoán rừng được tiến hành tốt thì Đảng và nhà nước ta đã và đang đưa ra nhiều nghị định chính sách phù hợp. Các hoạt

động lâm nghiệp luôn thay đổi vì vậy mà việc bổ sung kịp thời, áp dụng những nghị định chính sách mới là hết sức cần thiết

3.1.2 - Các hướng dẫn của UBND tỉnh Bình Thuận về thành lập dự án giao khoán rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi

Nghị quyết 04/TU ngày 27/5/2002 về xây dựng, phát triển toàn diện dân sinh, kinh tế, xây dựng vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2005,

- Quyết định số 178 SNN/PTLN ngày 20/8/2002 của giám đốc Sở NN và PTNT về hướng dẫn thực hiện phương án giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của 11 xã thuần và các thôn xen ghép. Dựa theo quyết định 2057 thì Chi cục phát triển lâm nghiệp đã bổ sung thêm quyết định 178 nhằm tạo điều kiện hướng dẫn thực hiện phương án giao khoán QL BVR cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Quy định rõ mục tiêu, yêu cầu của dự án, các nội kỹ thuật thiết kế giao khoán, thành phần tham gia giao khoán,...

- Các biên bản hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng, hồ sơ thiết kế dự toán giao khoán quản lý bảo vệ rừng,

- Quyết định số 2057/QĐ - CTUBBT ngày 9/8/2002 của chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận về phê duyệt phương án giao khoán quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của 11 xã thuần và các thôn xen ghép. Quy định các vấn đề về mục tiêu của dự án, đối tượng tham gia, quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan tham gia vào giao rừng&

- Quyết định của Sở NN & PTNT số 120 QĐ/SNN-PTLN về việc phê duyệt thiết kế giao khoán quản lý BVR các hộ đồng bào dân tộc thiểu số Xã La Dạ năm 2002 và 2003

- Văn bản số 2071/SNN – PTLN ngày 29/10/2002 về hướng dẫn nghiệm thu giao khoán quản lý bảo vệ rừng

- Văn bản số 802/CCKL ngày 11/11/2002 về giao trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện phương án giao khoán QL BVR ở địa phương. Với chức năng là một cơ quan giám sát cùng với việc hỗ trợ BQL thực hiện công tác giao khoán rừng theo đúng pháp luật.

Trên đây là các văn bản hướng dẫn của UBND, Sở NN & PTNT và CCKL, quy định cụ thể rõ ràng để thực hiện tốt công tác giao rừng không chỉ có BQL mà tất cả các ban ngành đều tham gia. Với mục tiêu là phát triển toàn diện dân sinh kinh tế xã hội vùng cao và đảm bảo cho công tác giao rừng được thực hiện tốt.

3.2 - Tiến trình thực thi công tác giao rừng cho đồng bào dân tộc tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi

3.2.1 – Phương pháp và kết quả điều tra thiết kế diện tích giao khoán QL BVR tại BQL phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi

Khi đã có đầy đủ các văn bản phê duyệt về dự án giao khoán của Chi cục PTLN , BQL sẽ thực hiện công tác điều tra thiết kế khu rừng sẽ tiến hành giao khoán.

3.2.1.1- Phương pháp điều tra

Theo quyết định số 178/QĐ-SNN-PTLN ngày 20/8/2002 của Sở NN & PTNT Bình Thuận đã quy định về nội dung thiết kế giao khoán QL BVR cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Phương pháp điều tra thiết kế gồm những công việc sau:

Chuẩn bị:

Vị trí từng diện tích giao khoán, thống nhất với chủ dự án về địa điểm

Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến khu vực thiết kế

Điều tra khảo sát tình hình khu vực thiết kế

Ngoại nghiệp: bao gồm các công việc

- Xác định các mốc lô, ranh lô, ranh khoảnh trên thực địa và trên bản đồ. Tổ chức cắm mốc lô ngoài thực địa ngay tại các vị trí đã được định vị GPS, mỗi lô cắm 04 mốc, mỗi hộ nhận khoán 10 mốc lô, mốc lô làm bằng xi măng đúc (quy cách mốc lô:(10cm x 10cm x 10cm) được chôn sâu 30cm dưới mặt đất, phần trên mặt trụ mốc có ghi sơn đỏ tên lô, khoảnh, tiểu khu giao khoán.

- Căn cứ trên kết quả kiểm kê rừng tự nhiên năm 1999 để lập bản đồ hiện trạng rừng nhận khoán, sau đó tiến hành mở thêm ô phúc tra trữ lượng rừng 500 m² (20m x 20m) bố trí ngẫu nhiên theo từng trạng thái rừng, dung lượng mẫu tối thiểu phải là 0.5%, so sánh với số liệu kiểm kê rừng năm 1999 để đưa vào thuyết minh và thể hiện rõ ở hợp đồng giao khoán.

- Điều tra ranh, phân bố các kiểu trạng thái rừng, diện tích theo các kiểu trạng thái, trữ lượng M/ha, tổng trữ lượng trong khu vực giao khoán. Đặc điểm phân bố, tổ thành, độ tàn che, tình hình tái sinh, chất lượng rừng, hiện trạng tác động vào rừng trước khi giao khoán

Phần nội nghiệp

- Viết thuyết minh thiết kế tổng hợp khu vực GKBVR
- Lập bản đồ hiện trạng rừng khu vực giao khoán tỉ lệ 1/10000. Bản đồ phải thể hiện chi tiết khu vực giao khoán, số hiệu lô, khoảnh, tiểu khu, bố trí cụ thể

diện tích nhận khoán của mỗi hộ. Diện tích lô ≈10ha, ký hiệu lô: a, b, c, d,..., diện tích khoảnh ≈100 ha, ký hiệu khoảnh 1,2,3,4,..., ghi rõ vị trí các mốc lô kèm theo số hiệu định vị GPS của các mốc lô.

- Viết thuyết minh chi tiết của các hộ nhận khoán BVR: mô tả hiện trạng rừng nhận khoán, xác định rõ ranh giới khu nhận khoán vị trí các mốc lô, mô tả cụ thể các kiểu trạng thái, diện tích từng trạng thái, trữ lượng /ha, tổng trữ lượng, đặc điểm phân bố, tổ thành, cấu trúc, độ tàn che, tình hình tái sinh, chất lượng rừng, tình hình tác động trước khi giao khoán, đính kèm là trích lục bản đồ hiện trạng rừng của hộ nhận khoán tỉ lệ 1/5000, hồ sơ của hộ nhận khoán gồm: *đơn xin nhận khoán, hợp đồng giao khoán (theo mẫu), biên bản giao, nhận khoán, ..., các văn bản, phụ lục kèm theo.*

Nhận xét: Qua các bước tiến hành trên đây có thể thấy việc điều tra thiết kế là khá chặt chẽ. Tuy vậy có thể nhận thấy một điều là người dân không có một chút chủ động nào khi tham gia nhận khoán, họ chỉ là những người ngoài cuộc. Tất cả các công việc BQL đã chuẩn bị hoàn toàn, người dân chỉ tham gia khi công việc đã chuẩn bị xong, đó là đến nhận rừng được giao. Họ không biết là rừng của mình như thế nào (như trạng thái, tổ thành loài cây tạp hay cây gỗ quý). Mặc dù là BQL đã tạo điều kiện cho họ đi phát tuyến cắm cột mốc phân ranh giới rừng của mình nhưng có lẽ chừng đó là chưa đủ, cần phải đưa họ tham gia trong công tác điều tra như: điều tra tổ thành loài cây,... Nếu làm được như vậy thì vừa có sự tham gia nhiều hơn về phía người dân vừa giảm phần nào chi phí cho công tác thiết kế, khi đó người dân sẽ cảm thấy mình được quan tâm và họ sẽ hăng say hơn trong công việc không chỉ trong công tác giao khoán rừng mà cả những hoạt động lâm nghiệp sau này. Ngoài ra việc thiết kế lại quá chú trọng đến đến trữ lượng gỗ mà không chú ý đến lâm sản ngoài gỗ, mà đây là vấn đề đang phát triển mạnh trong thời gia gần đây. Do đó, UBND tỉnh Bình Thuận cần thực hiện càng sớm càng tốt 2 nội dung. *Thứ nhất:* thực hiện ngay Nghị định 178 về chính sách hưởng lợi từ rừng vốn chưa thực hiện được; *Thứ hai:* là thay thế việc giao khoán và trả tiền công nhận khoán sang hình thức ăn chia sản phẩm có lợi cho cả hai bên. Trên đây là kết quả phỏng vấn đối với anh Nguyễn Công Cử, cán bộ kỹ thuật BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi

3.2.1.2- Kết quả điều tra thiết kế rừng

a) Tổng diện tích giao khoán:

b) Tổng diện tích rừng giao khoán (2002 – 2004):8.817 ha / 257 hộ

(Theo kết quả báo cáo của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi)

Bảng: Diện tích được thiết kế giao khoán ở ban quản lý rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi

Trạng thái rừng	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)
-----------------	----------------	-----------------------------

IC		
IIA	2232,7	47274,2
IIB	15796,8	
IIIA1		
IIIA2		
IA		
IB		

c) Diện tích đất không có rừng

Tổng diện tích: 4.465 ha

Trong đó đất nông nghiệp: 763 ha

Đất khác: 260 ha

d) Diện tích rừng trồng (rừng phòng hộ xung yếu): 450ha

(Theo hồ sơ phương án tổ chức sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2001-2005 và hồ sơ thiết kế giao khoán rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi)

3.2.3 - Mức độ giao khoán

Căn cứ quyết định số 2057/QĐCT-UBBT ngày 09/8/2002 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt phương án giao khoán quản lý BVR cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Theo yêu cầu đối với giao rừng, đơn giá giao khoán là 100.000 ha/năm và diện tích 40 ha trong thời hạn là 20 năm. Sẽ duy trì khoản kinh phí này trong vòng 3 năm, sau đó sẽ giảm dần và chuyển sang thực hiện đầy đủ chính sách hưởng lợi theo quyết định 178/ QĐ- Ttg để tăng thu nhập.

Tiền công khoán vào diện tích như vậy có thể coi là vừa. Với tiền công như vậy sẽ tạo cho người dân sự khuyến khích nhiều hơn, nó góp phần cải thiện một số mặt và sẽ không tạo ra việc quá chú trọng vào tiền; diện tích như vậy sẽ giúp cho người dân đủ khả năng để đi tuần tra rừng và đảm bảo sự bao quát cả diện tích rừng nhận khoán của mình.

Công việc tuần tra rừng của người dân theo như hợp đồng khoán được thực hiện rất tốt. Cho dù có nhiều hộ ở khá xa rừng (có hộ cách tới 20 cây số) nhưng công việc tuần tra vẫn thực hiện tốt, các hộ cứ luân phiên thực hiện công việc tuần tra rừng. Tuy nhiên đối với các hộ ở quá xa như trên thì có thể tăng tiền công cho họ để họ hăng hái hơn trong công việc tuần tra rừng.

3.2.4 - Tổ chức thực hiện giao khoán QL BVR

Sau khi thiết kế xong, dự án được Chi cục phát triển Lâm nghiệp phê duyệt. Hồ sơ thiết kế dự toán giao khoán QL BVR là cơ sở để BQL tiến hành giao

khoán QLBRV đến từng hộ dân. Để dự án được thực hiện tốt thì việc thành lập cơ cấu ban chỉ đạo dự án là rất cần thiết, cụ thể:

Ban chỉ đạo gồm các thành viên:

- | | |
|---|-----------|
| 1. Trưởng ban quản lý | Chủ dự án |
| 2. Cán bộ phòng kỹ thuật và quản lý bảo vệ rừng | Ủy viên |
| 3. Cán bộ phòng tổ chức hành chính | Ủy viên |
| 4. Cán bộ phòng kế toán | Ủy viên |
| 5. Ủy ban Xã La Dạ | Ủy viên |

Tiến trình triển khai được ban chỉ đạo thực hiện như sau:

i. BQL tiến hành thông báo tất cả các chủ trương chính sách của nhà nước về giao đất, giao rừng đến các xã sở tại để xã thông báo cho các hộ đồng bào, sau đó yêu cầu xã đưa danh sách các hộ có đủ điều kiện để nhận rừng (cụ thể là các hộ đồng bào dân tộc K'ho thuộc địa bàn xã La Dạ – huyện Hàm Thuận Bắc). Các hộ đủ điều kiện nhận rừng sẽ được tìm hiểu về vấn đề bảo vệ tài nguyên rừng, phát triển kinh tế miền núi và hướng dẫn thực thi giao khoán rừng đến các hộ thành viên (mỗi hộ tham gia tập huấn được giao cho một cuốn: *“tài liệu tập huấn công tác giao khoán bảo vệ rừng cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số”*)

ii. BQL phối hợp với xã tổ chức họp dân (những hộ được xã cử lên và đã được xác nhận), thông báo về mục đích của công tác giao khoán và hướng dẫn việc làm thủ tục hồ sơ về vấn đề giao khoán rừng như: đơn xin nhận rừng giao khoán, hợp đồng giao khoán rừng,... (các phụ biểu kèm theo sau)

iii. Thông qua hợp đồng giao khoán, ban quản lý quy định trách nhiệm và quyền lợi cũng như thưởng phạt đối với các hộ nhận giao khoán rừng.

iv. Theo thứ tự các hộ ghi trong danh sách tham gia nhận khoán, ban quản lý sẽ xác định vị trí diện tích rừng của từng hộ trên bản đồ thiết kế giao khoán quản lý bảo vệ rừng.

v. Sau khi xác định vị trí diện tích rừng giao khoán của các hộ trên bản đồ thiết kế giao khoán theo tỉ lệ 1/10000, BQL (cụ thể là bộ phận kỹ thuật) sẽ dẫn các hộ đồng bào đến hiện trường giao khoán để chỉ rõ vị trí (phân tuyến và đóng cột mốc) diện tích rừng mà họ được nhận khoán bảo vệ.

vi. BQL có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu và thanh toán đầy đủ tiền cho các hộ đồng bào nhận khoán QLBRV hàng tháng, quý và năm. Mỗi quý (3 tháng). BQL cho các hộ tham gia nhận khoán ứng trước một khoản tiền công giao khoán nhất định.

vii. BQL thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các hộ nhận khoán thường xuyên kiểm tra làm tốt nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, nhằm thực hiện một cách hiệu quả mà mục đích và yêu cầu ban đầu của dự án đã đưa ra.

3.3 - Kết quả thực hiện tiến trình giao khoán rừng đến các hộ đồng bào tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi

Bảng: diện tích giao khoán qua các năm từ 2002-2004

	ĐVT	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004
DT giao khoán BVR	Ha	600	3.930	4.286,5
Số hộ nhận khoán	Hộ	15	99	143
-Vốn chương trình 04	Ha	600(15 hộ)	1.930(49 hộ)	4.286,5 (143 hộ)
-Vốn sự nghiệp & 661	Ha	-	2.000(50 hộ)	-

Tổng diện tích giao khoán BVR 3 năm :8.817 ha/257 hộ

(Theo báo cáo sơ kết đánh giá kết quả thực hiện kết luận 04/TU của ban quản ban quản lý rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa mi)

Căn cứ vào bảng trên ta có thể thấy là diện tích rừng giao khoán có xu hướng tăng theo thời gian, từ năm 2002-2003 tăng 2790 ha, từ năm 2003-2004 tăng 356,5 ha. Số hộ nhận khoán hiện nay (2004) là 143 hộ. Điều này cho thấy là đồng bào đã tạo sự tin tưởng cần thiết đối với BQL, họ đã có ý thức tốt trong quản lý bảo vệ rừng, ít xảy ra tình trạng phá rừng vì vậy mà công tác giao khoán tiếp tục được tiến hành với các hộ tăng lên rất cao.

Định kỳ hàng quý, năm sau khi kết thúc kết quả nghiệm thu về công tác quản lý bảo vệ rừng của các hộ đồng bào, BQL đều tổ chức họp đánh giá về tình hình giao khoán và tiếp thu ý kiến của các hộ đồng bào nhằm làm cho công tác giao khoán được tiến hành tốt hơn. Hằng năm có một vài hộ vẫn bị cắt hợp đồng do quản lý BVR không tốt, thường xuyên khai thác cây hoặc móc nối với lâm tặc khai thác làm cho rừng bị giảm nhiều về số lượng lẫn chất lượng. Những diện tích thu hồi sẽ tiến hành ký kết hợp đồng cho các hộ khác.

Song song với việc thiết kế giao khoán, BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đa mi đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức học tập tuyên truyền cho các hộ đồng bào nhận khoán về chủ trương của Nhà nước trong công tác giao khoán QL BVR. Đơn vị cũng đã cùng địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt Chỉ thị 12/CT/TTg của Thủ tướng chính phủ và công tác phòng cháy rừng đến các hộ nhận khoán. Tiếp thu những ý kiến, đề nghị của các hộ dân và phản ánh lên cấp trên để kiến nghị, bổ sung những chính sách hỗ trợ và quyền hưởng lợi cụ thể cho các hộ nhận khoán rừng.

3.4 - Hiệu quả và tác động của công tác giao khoán rừng cho hộ đồng bào dân tộc

3.4.1 - Hiệu quả:

Qua công tác giao khoán rừng của Ban QLRRPH Hàm Thuận - Đami thực hiện tại xã La Dạ. Đây là địa bàn vùng đồng bào dân tộc K'ho sinh sống, đời sống đồng bào gặp nhiều khó khăn ... Vì vậy công tác giao khoán rừng đã đạt được một số hiệu quả sau:

3.4.1.1 - Hiệu quả về mặt chủ trương, chính sách

Chủ trương, chính sách của Nhà nước ta là muốn phát triển toàn diện đời sống cho người đồng bào dân tộc thiểu số. Không chỉ là cải thiện đời sống mà còn nâng cao nhận thức của người dân đối với mọi hoạt động như công tác giao rừng đã và đang được tiến hành. Công tác giao khoán rừng đã tạo cho các hộ đồng bào có được những nhận thức tốt hơn về tầm quan trọng mà mục đích của công tác giao khoán rừng đã đưa ra như ổn định và phát và phát triển kinh tế xã hội, ổn định về mặt sinh thái môi trường, ổn định tính đa dạng sinh học Đây là vấn đề trọng tâm đặt ra của công tác đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Thông qua dự án giao khoán sẽ thu hút lực lượng lao động tại địa phương tham gia nghề rừng, ứng dụng các khoa học kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy vùng dự án phát triển. Đặc biệt là hoạt động lâm nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, phần nào chống lại các âm mưu diễn biến hoà bình của kẻ thù...

Kết quả phỏng vấn với ông Bờ Đàm Nhung cán bộ xã.

3.4.1.2 - Hiệu quả về mặt kinh tế xã hội

Đời sống của đồng bào dân tộc vốn gặp nhiều khó khăn. Người dân phải sống phụ thuộc nhiều vào rừng, bởi vậy tình trạng tiếp cận tự do vào rừng, khai hoang những diện tích rừng để canh tác nương rẫy,... là điều không thể tránh khỏi. Mặc dù chủ trương của Nhà nước ta đưa ra khá nhiều nhằm cải thiện tốt hơn cho họ nhưng vẫn chỉ là giải quyết tạm thời, chưa thể thay đổi toàn diện được. Công tác giao khoán rừng là một điển hình trong nhiều công tác, được thực hiện không những góp phần nâng cao về mặt tinh thần, ngăn chặn việc phá nương làm rẫy mà còn tăng thêm thu nhập giúp đồng bào an tâm giữ rừng đảm bảo cho công tác QLRRPH đạt kết quả cao nhất.

Xã La Dạ nằm trong lòng của thủy điện Đa mi nên các hộ đồng bào trong xã hầu như đều có điện để dùng, nhà cửa tương đối ổn định nhờ có chính sách đền bù giải toả của dự án đập thủy điện Đami. Do vậy sự ổn định đối với các hộ đồng bào đã có kết quả tốt

Dự án giao khoán rừng đã tạo được mối quan hệ tốt giữa BQL rừng với chính quyền xã và nhất là các hộ đồng bào nhận khoán rừng. Từ đó sẽ tạo điều kiện cho công tác tuyên truyền vận động các chủ trương chính sách của Đảng và

Nhà nước sẽ tiến hành thuận lợi hơn. Bên cạnh đó giúp cho đơn vị chủ rừng quản lý rừng tốt hơn, thường xuyên hơn, đồng thời phát hiện và xử lý kịp thời các vụ phá rừng trái phép.

Mặt khác qua dự án giao khoán rừng người nhân trong vùng dự án có cơ hội tiếp cận những khoa học kỹ thuật mới thông qua cán bộ chỉ đạo dự án. Những công trình cơ sở hạ tầng mà dự án mang lại, đây lại là vấn đề chủ chốt trong mọi hoạt động của dự án. Qua đó góp phần làm giảm phần nào khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa người kinh với người dân tộc thiểu số. Với những điểm mạnh này sẽ thu hút nhiều sự hỗ trợ của các dự án khác, không chỉ là giao khoán rừng mà những dự án nước ngoài sẽ đầu tư vào. Đây sẽ là yếu tố quan trọng trong việc chuyển dịch từ lâm nghiệp nhà nước sang lâm nghiệp xã hội, đưa người dân ngày càng gắn bó hơn với nghề rừng, góp phần nâng cao đời sống và họ sẽ có ý thức tốt hơn trong việc quản lý tài nguyên rừng.

Kết quả phỏng vấn với ông Bờ Rông Tằm chủ tịch xã La Dạ

3.4.1.3 – Hiệu quả về mặt môi trường sinh thái

Môi trường sinh thái vốn rất quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta, vì vậy mà thông qua những hoạt động như giao rừng cho cộng đồng quản lý đã làm cho việc cải thiện môi trường sinh thái được tốt hơn,

Hiện nay công tác giao khoán rừng mà BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đami tiến hành đã tác động rất lớn đến việc ổn định và cải thiện môi trường sinh thái. Các hộ được nhận khoán nhìn chung đã nắm bắt được phần nào tầm quan trọng của rừng đối với môi trường sinh thái, đã hiểu được cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có môi trường sinh thái. Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác đã ngăn chặn những hậu quả xấu do chính con người gây ra như: phá rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép, vào mùa khô có thể kiểm soát cháy rừng. Đây là hiệu quả mà công tác giao rừng đã đem lại về mặt môi trường sinh thái.

3.4.1.4 - Hiệu quả về mặt bền vững tài nguyên và đa dạng sinh học

Cuộc sống người dân tại xã La Dạ vốn gặp rất nhiều khó khăn, nguồn thu nhập của họ chủ yếu là nhờ vào việc lấy củi và canh tác rẫy. Nay canh tác cây này mai cây khác do vậy nguồn thu kinh tế của họ không ổn định dẫn đến tình trạng đói kém xảy ra. Mặc dù xã đã có nhiều chủ trương hỗ trợ nhưng tiềm lực của họ vẫn chưa thể giải quyết được nhiều, lĩnh vực khuyến nông- khuyến lâm tại xã thiếu hẳn nên việc áp dụng canh tác tiến bộ đều gây nhiều khó khăn cho người dân. Từ tình trạng đói kém xảy ra như vậy dẫn đến việc người dân phải tác động vào rừng để kiếm sống như việc khai thác lâm sản trái phép, móc nối cấu kết với nhiều hộ tham gia nhận khoán cùng với lâm tặc khai thác lâm sản và tiêu thụ. Việc khai thác trái phép rừng như vậy sẽ gây hậu quả đối với nhiều hộ tham

gia nhận khoán vì họ sẽ bị trừ tiền hoặc bị đình chỉ buộc thôi hợp đồng. Điều này đã tạo ra sự ức chế đối với một số hộ có tinh thần làm việc trung thực.

Hiện tại do chỉ dừng lại ở giao khoán QLBR nên người dân chưa tác động nhiều vào rừng(như trồng mới, chăm sóc, làm giàu rừng,...), thậm chí được hưởng lợi theo nghị định 178/CP cũng không được do đó chưa nâng cao được tính năng kinh doanh toàn diện vốn rừng hiện có. Người dân chưa được nhận diện tích đất canh tác trong khu vực nhận khoán nên chưa thực sự tạo ra nền tảng phát triển kinh tế xã hội bền vững, cũng như tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác QLBR làm cho tài nguyên rừng bền vững hơn .

Trên đây là các hiệu quả đạt được của dự án, kết quả này được thảo luận, phỏng vấn với ông Ngô Công Thanh – Chủ dự án

B`Rông Tâm – Bí thư thôn 3

3.4.2 - Tác động

3.4.2.1- Về tinh thần

Khi dự án được triển khai, BQL đã tiến hành các công tác tuyên truyền, vận động bà con đi tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát và xử phạt nghiêm minh của BQL đã tạo cho người dân tin tưởng, từ đây đã tạo lập tính tự giác cao. Họ sẵn sàng bảo vệ và báo cho BQL biết tất cả các hành vi tác động bên ngoài vào rừng của họ, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác rừng trái phép, nạn lửa rừng hằng năm không còn xảy ra đã làm cho tài nguyên lô rừng nhận khoán ngày càng phong phú. Làm cho tính đa dạng sinh học ngày càng kéo theo chiều có lợi. Đây là hiệu quả của công tác đã mang lại cho chính người dân ở vùng dự án

3.4.2.2 - Về áp lực đối với tài nguyên rừng

Tài nguyên rừng trong khu vực nhận khoán quản lý bảo vệ của hộ gia đình bị nhiều yếu tố tác động. Trong đó vấn đề di dân tự do và nhu cầu đất canh tác là quan trọng nhất. Với những hộ dân này nếu không đi làm thuê thì họ sẽ vào rừng để khai thác lâm sản trái phép như cửa sế gỗ , chặt tre nứa, lồ ô,... để sinh sống. Một số hộ muốn có đất để canh tác thì phá rừng làm rẫy, do không có đất thổ cư nên họ đã vào rừng dựng nhà để sống, việc quản lý những hộ di cư này đòi hỏi phải có sự phối hợp của các ban ngành địa phương với BQL để giảm phần nào áp lực do những người này gây ra đối với rừng.

Bên cạnh vấn đề di dân tự do là cuộc sống của người dân trong khu vực. Họ là những người sản xuất nông nghiệp nên giá cả nông sản và năng suất sản phẩm nông nghiệp giảm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Nếu giá cả nông sản thấp hoặc mùa vụ mất thì họ sẽ xâm nhập vào rừng để khai thác lâm sản trái phép để giải quyết cho nhu cầu kinh tế của họ. Đến vụ mùa măng hàng loạt người đổ xô vào rừng để khai thác măng để bán kiếm thu nhập.

Từ khi công tác giao khoán rừng tiến hành từ năm 2002 BQL phối hợp với xã trong việc tuyên truyền vận động người dân trong việc QLBRV. Người dân đã có được những nhận thức tốt nhưng ý thức bảo vệ tài nguyên rừng chưa cao. Họ chỉ có nghĩ đến hai vấn đề: nếu không canh tác rẫy thì họ sẽ vào rừng để kiếm sống chứ chưa nghĩ đến việc thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, những mô hình canh tác mới nhằm cải thiện đời sống cho mình. Sản xuất nông nghiệp còn chạy theo giá cả thị trường, giá nông sản nào cao đồng loạt người dân đều làm dẫn đến khi giá hạ hay mất giá thì ảnh hưởng lớn đến đời sống gia đình.

Nguồn chất đốt là hết sức quan trọng đối với người dân, tuy thủy điện Đami có thể cung cấp điện cho toàn vùng nhưng do họ không có tiền nên không dám dùng điện. Do không dùng điện nên họ đi tìm nguồn chất đốt từ rừng, đó là củi hoặc đốt cây lấy than ngay tại rừng, củi đốt của người dân chủ yếu là các cây tạp ở bìa rừng hoặc cây không có giá trị kinh tế. Do nghị định 178/CP chưa áp dụng nên người dân chưa tác động nhiều vào rừng nên việc ảnh hưởng đến tài nguyên rừng là không lớn lắm.

Do có công trình thủy điện Đami và quản lý không chặt chẽ của cơ quan địa phương nên trình trạng di dân tự do vào khu vực là rất lớn. Điều này sẽ làm ảnh hưởng lớn đến công tác QLBRV.

3.5 - Sự tham gia và vai trò của các bên liên quan trong tiến trình giao rừng

Theo quy định của Ủy ban nhân dân – Sở NN & PTNT Tỉnh đã quy định các thành phần tham gia khi tiến hành giao rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số là

- Đơn vị chủ rừng (BQL)
- Chủ hộ nhận khoán (người dân)
- Ủy ban nhân dân xã sở tại
- Kiểm lâm địa bàn (hoặc cơ quan kiểm lâm huyện)

Qua công tác điều tra phỏng vấn các bên liên quan thì chủ yếu là 3 đơn vị tham gia trong công tác này là: BQL (chủ rừng), hộ nhận khoán và Ủy ban xã. Kiểm lâm chỉ có trách nhiệm kiểm kê xử phạt các vụ vi phạm về chặt phá rừng

3.5.1 - Sự tham gia & vai trò của các hộ nhận khoán

3.5.1.1 - Sự tham gia của các hộ nhận khoán

a - Giai đoạn chuẩn bị dự án

Xã La Dạ là một xã vùng cao của huyện Hàm Thuận Bắc tỉnh Bình Thuận, thành phần dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc K'ho chiếm 72,75% dân số toàn xã. Sản xuất chính là canh tác nương rẫy, đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cũng như phương tiện phục vụ sản xuất của người dân còn gặp nhiều khó khăn, lạc hậu. Do cuộc sống khó khăn lại thiếu cơ sở vật chất, trình độ dân trí thấp, các kiến thức cơ bản còn rất hạn chế đối với cộng đồng địa phương do vậy mà công

tác giao khoán rừng khi tiến hành đã gặp rất nhiều khó khăn. Nhìn chung thì tư tưởng văn hoá ở đây là cục bộ, bởi vậy khi Tỉnh có chủ trương thực hiện nghị quyết 04 nhằm nâng cao đời sống cộng đồng miền núi, đặc biệt là giao khoán cho đồng bào dân tộc thì họ tỏ ra rất mừng rỡ, mừng ở đây không phải vì khả năng nhận thức rõ vấn đề trước mắt mà chủ yếu nghĩ rằng mình được Nhà nước hỗ trợ, dù ít nhiều cũng không thành vấn đề đối với họ, có thể nói là những cái lợi trước mắt dường như đã hình thành sẵn trong đầu họ. Đối với người đồng bào nơi đây thì không có gì quan trọng bằng sự hỗ trợ về mặt kinh tế vì cuộc sống của họ vốn đang gặp nhiều khó khăn, thì dự án đem lại cho họ về kinh tế là điều mà họ cần nhất, bởi vậy họ tham gia phần đông chỉ vì khoản tiền hỗ trợ mà họ cho rằng họ luôn được có, còn việc mục đích đạt được của dự án như thế nào thì đây là điều mà họ quan tâm. Đây là kết quả phỏng vấn với một số đại diện của thôn 3 xã La Dạ.

Theo mục đích mà dự án giao khoán đưa ra là:

- Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập giúp đồng bào ổn định đời sống, an tâm giữ rừng
- Ngăn chặn việc chặt, đốt rừng làm nương rẫy
- Ngăn chặn việc khai thác lâm sản trái phép
- Giữ được các diện tích rừng có chức năng phòng hộ, phục hồi lại một số lớn diện tích rừng bị nghèo kiệt

Mục đích đưa ra là như vậy nhưng thực hiện chưa được toàn diện:

Thứ nhất là do tư tưởng của các hộ được nhận thêm tiền để có thêm thu nhập, còn việc ngăn chặn phá rừng, đốt nương làm rẫy vẫn chưa triệt để, việc bảo vệ tài nguyên rừng thì rất trì trệ. Chưa tạo cho bà con có ý thức bảo vệ tài nguyên rừng

Thứ hai là dự án mới chỉ hỗ trợ về mặt tinh thần chứ chưa đem lại hiệu quả về kinh tế xã hội cho họ

Để thực hiện dự án giao khoán có hiệu quả trên địa bàn là người dân tộc thiểu số vốn đã có trình độ văn hoá thấp, cần phải truyền tải thông tin, cung cấp những cái gì mà họ cần trước mắt nhất là hiệu quả đạt được của dự án, đặc biệt là về các vấn đề mà họ quan tâm như: kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng,... vấn đề hưởng dụng tài nguyên rừng như thế nào ngoài 100.000đ/ha/năm mà họ được nhận.

Nói chung là đối với người dân thì không có gì bằng việc dự án luôn đem lại cho họ về kinh tế, thế nhưng tiền bạc chỉ là vấn đề nhỏ trong dự án giao khoán, vấn đề quan trọng vẫn là bảo vệ và cải thiện tài nguyên rừng vì vậy khi triển khai dự án cần phải quan tâm đến các vấn đề liên quan như: chính sách, pháp luật, kỹ thuật, đặc biệt là quán triệt công tác quản lý bảo vệ rừng, mà vấn đề này lại thuộc về người cán bộ làm công tác tuyên truyền, truyền tải đến các hộ thành viên. Cần phải luôn làm sao mà họ không những nắm được tiền trong

tay mà họ có thể hiểu hết được mục đích cuối cùng của dự án, đây là vấn đề mấu chốt ở giai đoạn này.

b - Trong khi thực hiện dự án:

Chúng tôi đã có buổi phỏng vấn với đại diện của 5 hộ thuộc thôn 2 và thôn 3 xã La Dạ. Điều mà chúng tôi nắm được là sự hiểu biết và khả năng nhận thức của họ về dự án còn thấp. Họ nghĩ rằng Đảng và nhà nước muốn giúp đỡ họ cải thiện đời sống, trong khi công việc yêu cầu đối với họ lại đơn giản nên họ luôn tỏ thái độ thờ ơ. Thời gian đầu công việc tuần tra còn có nhiều trở ngại, BQL phải thường xuyên đôn đốc thì họ mới đi, còn ngược lại thì không, tính chủ động của họ đối với lô rừng của mình là chưa có. Dần dần về sau công việc tuần tra mới thực hiện thường xuyên hơn nhưng cũng chỉ là cải thiện, vì nhà của các hộ dân khá xa mà vừa phải canh tác rẫy để kiếm sống vừa phải đi tuần tra rừng và một tháng thì họ chỉ đi được có khoảng 12 lần đổ lại. Điều này đã dẫn đến tình trạng là lâm tặc liên tục vào chặt phá cây rừng; thời gian đầu khi họ phát hiện là họ tìm cách để giải quyết nhưng nhờ có sự can thiệp sớm của BQL mà họ đã biết báo cáo cho các trạm để tìm biện pháp xử lý. Có thể nói đây là sự nhận thức tuy chưa phản ánh nhiều nhưng cũng khẳng định họ đã dần biết được công việc mà mình đang làm.

Một vấn đề khác mà chúng tôi nắm được quan trọng phỏng vấn này là: việc quản lý lâm nghiệp nhà nước và địa phương chưa chia sẻ kịp thời trách nhiệm đối với họ. Khi thời gian đầu rừng liên tục bị phá bởi nạn lâm tặc. Sự chia sẻ có phần hạn chế về mức độ thông tin, sự hiểu biết về pháp luật, những vấn đề liên quan trong quá trình thực thi dự án. Đối với họ ngoài những buổi họp phổ biến về dự án thì cần có những buổi họp khác để họ có thể đưa ra các ý kiến của riêng bản thân họ. Mặc dù xã và BQL đã phối hợp với nhau để tiếp thu ý kiến trong các buổi họp thôn nhưng chừng đó dường như vẫn chưa đủ, cần tổ chức nhiều hơn nữa các buổi thảo luận này.

Tính tự giác của người dân chưa cao trong khi thực hiện dự án, bước đầu khi triển khai dự án giao khoán rừng thì họ luôn tỏ ra là một người rất có trách nhiệm, các hộ thành viên không được tham gia nhận khoán tỏ ra rất bức xúc (theo quy định của xã là những hộ nào thuộc diện nghèo của xã mới được tham gia nhận khoán), họ đã có những hành vi phản ứng với các ý kiến đấu tranh với mong muốn được nhận khoán. Vì họ vốn luôn đặt quyền lợi lên trên hết, khi họ tham gia dự án thì cuộc sống của họ sẽ được cải thiện phần nào, nhà nước sẽ có các chính sách đãi ngộ đối với họ. Mà dự án được triển khai ở đồng bào dân tộc

thiếu số, họ lại chính là người tham gia trực tiếp trong quản lý tài nguyên rừng mà nhà nước vốn đã giao quyền cho họ. Điều này cho thấy họ chỉ hiểu được vấn đề trước mắt chứ chưa hiểu rõ mục đích hoạt động của dự án. Khi mà quyền lợi của họ qua dự án không được đáp ứng thì nghĩa vụ cũng như trách nhiệm của họ đối với dự án sẽ không có hiệu quả nữa mà khi đó nó chỉ mang tính hình thức tức là làm cho có lệ.

c - Nhu cầu và mối quan tâm của người dân đối với dự án giao khoán

Cuộc sống của cộng đồng nông thôn ở vùng giao khoán rừng đều thua kém xa so với dân cư tại thành thị. Nên khi dự án được triển khai người dân tham gia vào dự án nói chung và dự án giao khoán rừng nói riêng. Họ đều có những mối quan tâm về cuộc sống đang gặp khó khăn của họ. Ở đây lại là một vùng nghèo của xã vì vậy điều họ rất cần là công ăn việc làm để có thêm thu nhập, sự hỗ trợ về khuyến nông - khuyến lâm để họ có thêm vốn kiến thức về canh tác cây trồng, cơ sở vật chất, hạ tầng,... còn riêng đối với dự án thì họ luôn mong muốn nhiều hơn nữa ngoài tiền hỗ trợ, có thể về mặt hưởng dụng tài nguyên, được giao đất canh tác, được vay vốn sản xuất để phát triển kinh tế hoặc được hỗ trợ về kỹ thuật, về giống cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế,... thì đây là những mối quan tâm mà người dân rất mong muốn dự án đem lại cho họ.

Qua dự án giao rừng, để đạt được mục đích cuối cùng cũng như hiệu quả cao nhất cần có sự chuẩn bị kỹ trong bước lập kế hoạch, việc thu thập thông tin từ người dân phải thật kỹ đặc biệt là mối quan tâm và nhu cầu của họ, hoạt động của dự án cần cần phải có sự tham gia của người dân, gắn vai trò và trách nhiệm của họ nhiều hơn nữa.

3.5.1.2 - Vai trò của hộ nhận khoán

Khi tham gia phỏng vấn, ngoài sự tham gia vào tiến trình thì quy định vai trò của những hộ tham gia nhận khoán là rất quan trọng:

Phải luôn hoạt động theo đúng mục đích, mục tiêu mà dự án đưa ra là giao rừng đúng đối tượng, gắn trách nhiệm quản lý rừng đối với họ

Người dân phải thực hiện đúng như biên bản hợp đồng giao rừng đã đưa ra như: nhận đúng diện tích lô rừng, luôn giữ nguyên trạng thái lô rừng của mình tránh tác động gây hại đến rừng, không săn bắt gây hại hay làm thay đổi cảnh quan tự nhiên khu rừng

Luôn đề cao cảnh giác và phải báo cáo để phối hợp với BQL trong việc ngăn chặn kịp thời các hành vi gây hại đến rừng của lâm tặc. Đối với việc tác động từ bên ngoài của người dân xung quanh cần phải tỏ ra cương quyết để không xảy ra tình trạng xâm hại vào rừng nữa.

Trong danh sách hộ nhận khoán những diện tích rừng được giao mà có rẫy, diện tích đất trống hoặc rừng chưa được phong phú, người tham gia nhận khoán có

thể trồng cây ngắn ngày hoặc trồng tái sinh rừng nhằm làm giàu thêm lô rừng của mình

Phải luôn tuân thủ các quy định trong bản quy chế quản lý rừng mà dự án đặt ra và chịu trách nhiệm về vốn rừng được nhận. Nhìn chung thì vai trò của người dân đối với dự án là rất quan trọng, bởi khi hợp đồng được ký kết giữa các hộ nông dân với chủ dự án thì đó cũng là lúc họ được nhà nước trao quyền quản lý trên lô rừng mà họ được nhận.

3.5.2- Sự tham gia và vai trò của BQL (Chủ dự án) trong công tác giao rừng

3.5.2.1 - Sự tham gia

Khi xác định đây là một dự án, đủ cơ sở pháp lý được tỉnh đồng ý phê duyệt, với việc tập trung phát triển ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. với mục đích chính là ổn định và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương (theo NQ 04) thì BQL với tư cách là chủ dự án nên sự tham gia vào tiến trình là rất quan trọng

3.5.2.2 - Giai đoạn chuẩn bị dự án

Đây là giai đoạn ban đầu của một dự án. Khi tỉnh có chủ trương phát triển toàn diện dân sinh kinh tế xã hội miền núi. Trong đó có công tác giao rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhằm thực hiện tốt công tác giao rừng, công tác chuẩn bị để chuẩn bị thực hiện dự án giao khoán là rất quan trọng. Khi dự án được phê duyệt, việc thành lập ban chuẩn bị dự án là việc đầu tiên. Công việc chủ yếu là tiếp nhận các ý kiến chỉ đạo từ trung ương và Tỉnh, chuẩn bị các hồ sơ thủ tục cần thiết cho dự án. Tổ chức cho các đơn vị kỹ thuật tiến hành điều tra khảo sát khu vực giao khoán về các mặt: dân sinh, kinh tế, điều kiện cơ sở vật chất,... việc điều tra khảo sát nơi tiến hành giao khoán là vô cùng quan trọng vì không những nó là cơ sở để công tác giao rừng được thực hiện tốt mà còn tạo ra những cơ hội đầu tư về sau. Khu vực tiến hành giao khoán đa phần người dân tộc thiểu số, họ vốn có trình độ thấp, cuộc sống vốn đã khó khăn nên yêu cầu đặt ra cho ban chuẩn bị dự án là phải chuẩn bị hết tất cả những việc cần thiết phục vụ cho công tác giao rừng như: tuyên truyền rộng rãi, hồ sơ đơn từ, hợp đồng khoán,...đặc biệt là quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người dân.

3.5.2.3 - Giai đoạn vận hành dự án

Tất cả mọi dự án khi đưa vào vận hành là hết sức quan trọng, nhất là đối với dự án lâm nghiệp có sự tham gia của người dân. Đây là giai đoạn rất quan trọng, bởi nó quyết định đến sự thành bại của dự án vì lúc này các hạng mục của dự án sẽ đưa vào thực hiện.

Để dự án được tiến hành việc thành lập BQL dự án là công việc đầu tiên, BQL ở đây không chỉ làm những công việc như giao rừng, ký kết hợp đồng mà còn là đơn vị sẽ theo dự án đến cuối cùng. Vì vậy BQL dự án phải là những người có

khả năng giải quyết nhanh những tình huống khó khăn nhất khi người dân gặp phải.

Khi dự án được thực hiện các hạng mục sẽ được đưa vào thực hiện. Những công việc như tổ chức họp để phổ biến công tác, điều tra thiết kế diện tích rừng giao khoán, tổ chức ký kết hợp đồng; công việc này đòi hỏi sự chính xác bởi khi giao khoán rừng cho các hộ đồng bào để sau này sẽ không gây trở ngại

Việc nắm danh sách, phân loại ra những hộ được tham gia nhận khoán được sự hỗ trợ giúp đỡ của Xã. BQL sẽ phối hợp với xã trong việc tuyên truyền vận động người dân tham gia dự án giao khoán. Tổ chức họp dân vừa phổ biến vừa ký hợp đồng cho các hộ tham gia nhận khoán. Ký hợp đồng xong những hộ này sẽ được giao dẫn đến diện tích rừng đã thiết kế để nhận khoán. Lúc này BQL có trách nhiệm đôn đốc các hộ tham gia nhận khoán thực hiện những mục ghi trong hợp đồng như tuần tra quản lý bảo vệ rừng. Ngoài ra còn một số công việc khác như:

- Tổ chức thành lập các trạm QL BVR (người dân tham gia chủ yếu) để hỗ trợ kịp thời và hiệu quả cho các hộ nhận khoán về thông tin, đặc biệt là xử lý ngay các trường hợp vi phạm vào rừng giao khoán của họ
- Bên phía BQL phải có một bộ phận kỹ thuật chuyên môn về rừng như lập hồ sơ thủ tục giao nhận rừng, nghiệm thu đánh giá kết quả BVR

3.5.2.4 - Giai đoạn vận hành kết quả dự án

Đây là giai đoạn các hạng mục, nội dung của dự án đã đi vào hoạt động nhằm đạt được kết quả tốt nhất mà mục tiêu của dự án đã đưa ra, cụ thể:

BQL có trách nhiệm xác định rõ diện tích, trạng thái rừng trên bản đồ và trên thực địa đối với diện tích của cả khu vực và của các hộ nhận khoán

Liên tục tổ chức các trạm theo dõi để có những hướng dẫn để các hộ nhận khoán thực hiện đúng các quy định đặt ra trong hợp đồng

BQL hỗ trợ cho các hộ nhận khoán tổ chức thành lập các tổ đi tuần tra rừng (mỗi tổ gồm 10 người, một tổ trưởng và hai tổ phó, có trách nhiệm đôn đốc các hộ khác đi tuần tra bảo vệ rừng). Đây là công việc rất quan trọng vì nó sẽ tạo tính tự lập trong quản lý bảo vệ rừng

Đến kỳ BQL tổ chức một tổ đi nghiệm thu cùng với các hộ nhận khoán

Kiểm tra, yêu cầu các hộ nhận khoán sửa chữa những sai sót trong BVR khi thực thi dự án, có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng đối với các hộ vi phạm các cam kết trong hợp đồng

Thanh toán kịp thời các chi phí về về BVR theo đúng kỳ hạn trong hợp đồng cho các hộ nhận khoán

Giảm tiền công khi các hộ nhận khoán không hoàn thành công việc như: để rừng bị khai thác, không đi tuần tra rừng,... Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại đã gây ra

Tổ chức giám sát các hoạt động của dự án, tổ chức đánh giá dự án. BQL phải thường xuyên tổ chức họp dân để tiếp thu các ý kiến, từ đây sẽ điều chỉnh nhằm tạo cho công tác giao rừng được tiến hành tốt hơn.

Kết quả phỏng vấn với anh Hoàng Văn Minh cán bộ giao khoán và nghiệm thu dự án, chị Loan cán bộ thủ quỹ.

3.5.2.5 - Vai trò của BQL trong tiến trình giao rừng

Đối với BQL, là chủ của một dự án thì vai trò của họ rất quan trọng. Cụ thể:

Cần phải có những tính toán khoa học, tính hợp lý để chọn ra các vùng rừng cần thiết đưa vào giao khoán sao cho phù hợp vừa sức đối với các hộ dân. Sẽ không gây khó khăn mà còn tạo nhiều thuận lợi cho công tác QLBRV của người dân.

Chuẩn bị thật kỹ các hồ sơ thủ tục để lập hồ sơ giao khoán BVR cho các hộ đồng bào dân tộc. Hoàn tất thủ tục giao rừng, kiểm tra về việc thực thi trách nhiệm bảo vệ rừng của các hộ nhận khoán, Nghiệm thu đánh giá kết quả QLBRV của từng hộ nhận khoán.

Chủ động phối hợp với Xã để xem xét điều kiện, khả năng của hộ được nhận khoán để bố trí hợp lý các lô, khoảnh cho mỗi hộ nhận khoán, về quy mô diện tích giao, về cự ly đảm bảo các hộ thực hiện tốt trách nhiệm BVR.

Tổ chức ra các bộ phận các trạm QLBRV để hỗ trợ cho các hộ nhận khoán khi cần thiết, thực hiện ghi chép đầy đủ và có thể xử lý nhanh các tin báo về vi phạm phá rừng, cũng có thể tạo điều kiện giúp hoặc hướng dẫn người dân trong việc lập biên bản vi phạm về phá rừng. Chọn địa điểm cụ thể để tiếp nhận thông tin, giúp đỡ việc chuyển tiếp thông tin đến cơ quan chức năng xử lý.

Tiếp nhận nguồn kinh phí công tác giao khoán BVR và thực hiện chi trả cho các hộ nhận khoán

Cung cấp đầy đủ thông tin và hướng dẫn các hộ nhận khoán nắm được các yêu cầu cần thiết của công tác BVR

BQL làm dịch vụ cho các hộ nhận khoán BVR: giúp hộ nhận khoán lập hồ sơ tận thu cây củi khô, lâm sản phụ. Tiêu thụ sản phẩm giúp hộ nhận khoán, trích nộp các khoản thuế theo quy định

Mọi thủ tục thanh toán chi trả công và các hưởng lợi khác phải có sự chứng kiến của chính quyền địa phương (cụ thể là Xã).

Kết quả phỏng vấn với Ông Ngô Công Thanh chủ dự án, chị Loan cán bộ thủ quỹ.

3.5.3 - Trách nhiệm và quyền lợi của người dân

Theo quyết định của sở NN & PTNT đã quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi đối với các hộ nhận khoán, cụ thể:

a - Trách nhiệm

(1) Không phá rừng làm rẫy; (2) Không đốt rừng và khai thác lâm sản trái phép; (3) Không săn bắt các động vật rừng; (4) Bảo vệ rừng chống cháy; (5) Nếu phát hiện các vụ chặt phá rừng, săn bắt chim thú phải bắt giữ và giải giao về lâm trường, BQL hoặc Ủy ban xã để xử lý.

b - Quyền lợi

Nếu trên phần diện tích của hộ nào có đất trống thì được phép trồng cây ngắn ngày, cây dài ngày theo hướng dẫn của chủ rừng với quy mô diện tích là 20% so với diện tích của hộ nhận khoán, vì là sản xuất nhỏ lẻ nên không cần phải lập phương án sản xuất.

Được thanh toán tiền công nhận khoán QLBRV theo quy định của UBND tỉnh là 100.000 đ/ ha/năm. Việc trích tiền cho trưởng nhóm hộ khi có sự thoả thuận tự nguyện của nhóm và được địa phương tham gia xác nhận mức chi trả tự nguyện này.

Được phép lấy cây khô, củ khô trên diện tích nhận khoán, giao cho chủ rừng lập hồ sơ thủ tục tận thu lâm sản đồng thời tổ chức việc tiêu thụ lâm sản giúp hộ nhận khoán

Trách nhiệm và quyền lợi của người dân được quy định rất cụ thể. Tuy nhiên theo phỏng vấn với một số hộ thì ngoài nghĩa vụ là bắt buộc, nhưng về quyền lợi thì còn một số vướng mắc:

+ Do tỉnh vẫn chưa có công văn quyết định cho hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quyết định 178/CP nên các sản phẩm từ rừng như lâm sản ngoài gỗ, cây gỗ không có giá trị, củ khô,... người dân không được phép lấy

+ Một số hộ gia đình có diện tích đất trống trong lô rừng nhận khoán, mặc dù quy định ghi là được canh tác trên diện tích đó. Nhưng hiện nay người dân không có sự hỗ trợ về mặt khuyến nông- khuyến lâm, vì vậy mà người dân chưa biết canh tác gì trên diện tích đó.

3.5.4 - Cách thức hộ dân đi tuần tra bảo vệ rừng

Người dân ở đây chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, cuộc sống của họ nhiều thay đổi nên công việc tuần tra bảo vệ rừng theo nhiều cách khác nhau như tuần tra vào lúc nông nhàn, các lần đi nghiệm thu rừng

a - Đi tuần tra bảo vệ rừng theo tổ

Cứ 10 người lập thành một tổ trong đó một tổ trưởng hai tổ phó, các thành viên trong tổ đôn đốc cùng nhau đi tuần tra bảo vệ rừng. Đối với những hộ ở xa

khu vực nhận khoán thi trong tuần họ sắp xếp đi khoảng 2-3 lần, nhiều hộ ở xa thì đi khoảng 3 ngày, hai ngày đi bộ và một ngày nghỉ lại. Trong quá trình tuần tra người dân sẽ kết hợp tuần tra rừng cho các hộ chung quanh cùng tổ. Kết hợp lấy củi và một số vật dụng cần cho họ như rau quả dại trong rừng

Đối với những hộ ở gần diện tích rừng giao khoán thì công việc tuần tra sẽ khoẻ hơn. Hằng ngày người dân sẽ tuần tra rừng thông qua những lần đi lấy củi đun nấu trong gia đình, hái măng. Những lúc đi rẫy về, họ có thể tạt ngang rừng của mình để kiểm tra kết hợp tuần tra cho các hộ nhận khoán bên cạnh. Thông thường họ tổ chức thành nhóm khoảng 5 hộ và đi tuần tra, thường là sáng đi chiều về.

b - Đi tuần tra theo những lần đi nghiệm thu của chủ dự án

Cứ định kỳ hằng quý BQL sẽ tiến hành nghiệm thu kiểm tra công tác QL BVR của những hộ nhận khoán, kết hợp như vậy các hộ nhận khoán phải đi theo để tham gia đánh giá và kiểm tra tình hình tài nguyên trên diện tích rừng của mình. Thông qua những đợt kiểm tra này để kiểm tra hiệu quả của công tác quản lý BVR của những hộ nhận khoán và đây coi như là một đợt tuần tra rừng đối với họ.

c - Cách thức các hộ xử lý vi phạm tài nguyên rừng

Mặc dù công việc tuần tra đang được tiến hành rất chặt chẽ nhưng vẫn để xảy ra tình trạng người ngoài vào chặt phá rừng. Nhiều trường hợp các hộ dân đã bị BQL trừ tiền hoặc cắt hợp đồng. Không phải vì họ muốn như vậy, họ không có khả năng chống chọi lại nên cách thức mà người dân chọn lựa là báo hoặc có bất được sẽ giao cho BQL hoặc xã có thể là Kiểm lâm địa bàn xử lý.

d - Hoạt động phòng chống cháy rừng

Hằng năm khi đến mùa khô, công tác quản lý BVR tại BQL rừng Hàm Thuận- Đami được tiến hành rất có quy củ. Các hộ nhận giao khoán quản lý bảo vệ rừng sẽ tham gia phòng chống cháy rừng, trên diện tích rừng hộ nhận khoán phải tiến hành vệ sinh rừng bằng cách, làm sạch cỏ, dọn lá cây khô, đốt dặm cỏ có kiểm soát. Ngoài ra các hộ (khoảng 10 hộ) tổ chức thành một tổ, thiết lập chòi canh và thay nhau trực để phòng ngừa cháy rừng xảy ra và nếu có xảy ra thì có thể tìm cách dập tắt kịp thời. Đến cuối đợt những hộ hoặc nhóm hộ nào thực hiện tốt công việc phòng cháy rừng thì mới được nghiệm thu, còn những hộ nào không hoàn thành sẽ không được nghiệm thu và còn bị xử phạt hoặc phải bồi thường thiệt hại nếu diện tích rừng bị cháy quá lớn.

Kết quả phỏng vấn với nhóm hộ Xiêm Điền, Bờ Đam Lúc,...

3.6 - Thuận lợi, khó khăn của BQL và người dân gặp phải trong quá trình thực thi giao rừng nhập vào phân phân tích các bên liên quan

3.6.1- Đối với BQL

a - Thuận lợi

Khi dự án thực thi công tác giao rừng được sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của Đảng và Nhà nước

Chủ trương của Tỉnh rất chặt chẽ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tiến trình giao rừng

Sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý danh sách hộ nhận khoán cùng với việc tuyên truyền vận động người dân tham gia nhận khoán

Do có công trình đập thủy điện Đami nên công trình đường giao thông rất thuận tiện cho công tác kiểm tra kiểm soát BVR

Người tham gia nhận khoán vốn là những người trung thực, nghèo khổ nên họ rất tuân thủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

b - Khó khăn

Khu vực rừng nơi tiến hành giao khoán chịu nhiều sức ép từ cư dân sống chung quanh đặc biệt là ngày càng có nhiều sự tiếp cận của các cộng đồng dân cư ở nơi khác đến, những người này xâm chiếm đất đai, khai hoang để trồng cây. Mặc dù BQL đã làm rất nhiều hoạt động tăng cường tuần tra nhưng vẫn chưa thể ngăn chặn được. vì vậy công tác quản lý bảo vệ, ngăn chặn khai thác lâm sản đng gặp rất nhiều khó khăn.

Do nhiều áp lực tác động đến tài nguyên rừng(di dân tự do, lao động tại địa phương dư thừa nhiều,...) hiện tượng phá rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép

Việc cắt hợp đồng đối với những hộ không hoàn thành nhiệm vụ QL BVR, để rừng liên tục bị phá và thất thoát nhiều về cả số lượng lẫn chất lượng và giảm tiền công giao khoán đối với các hộ hằng năm là điều không muốn. Xử phạt những hộ cố tình làm thì không nói, nhưng có nhiều hộ làm việc rất tốt cũng bị phạt hoặc buộc thôi hợp đồng. Nói đến phạt ở đây là điều khó bởi người dân không hiểu chuyện xử phạt, họ cho rằng BQL cố tình xử phạt họ và điều này đã gây ra nhiều ức chế đối với chính người dân. Điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho BQL trong việc giải quyết những trường hợp này

Hiện nay trong hợp đồng giao khoán vẫn chỉ dừng lại ở mức độ QL BVR chưa áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như : chăm sóc, tỉa thưa rừng,... và chưa được hưởng lợi tài nguyên rừng theo Nghị định 178/CP do vậy người dân chưa được tác động nhiều vào rừng. nhưng do hoàn cảnh kinh tế nhu cầu của cuộc sống mà nhiều hộ đã tiếp cận vào rừng và khai thác trái phép lâm sản hoặc khai phá nhiều diện tích rừng để canh tác, những trường hợp này chủ yếu tập trung ở các hộ nghèo. BQL đã thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu thực hiện tốt như trong hợp đồng khoán, thời gian đầu nhiều hộ vẫn cố tình nhưng nhờ sự cương quyết trong công việc của BQL mà những hộ này đã biết hạn chế và dừng.

Mặc dù hằng năm BQL có tổ chức một tổ đi đánh giá, nghiệm thu kết quả của công tác QLVR và tiếp thu ý kiến đánh giá của người dân. Nhưng vẫn chưa thể giải quyết được hết tất cả những thắc mắc. Kết quả phỏng vấn với anh Từ Minh Thiện (cán bộ kỹ thuật), anh Hoàng Văn Minh cán bộ trạm 6 (thực hiện giao khoán ký hợp đồng với người dân.

3.6.2 - Đối với người dân

a - Thuận lợi

Khi được tham gia nhận khoán rừng tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận - Đami. Phần nào đã cải thiện đời sống cho người dân

Tăng thu nhập cho gia đình: tuy số tiền công khoán mà BQL chi trả cho người dân không cao và không thể đáp ứng hết nhu cầu của người dân. Mỗi năm những hộ này được nhận một số tiền khoảng 4 triệu. Số tiền này tuy không lớn nhưng lại rất quan trọng đối với người dân nông thôn, đặc biệt là những hộ gặp khó khăn. Có số tiền này vào cuối năm sẽ giúp họ cải thiện một số mặt thiếu thốn của họ như trả nợ, mua sắm đồ dùng tết và đặc biệt là chi tiền cho con em họ khi năm học mới bắt đầu

Vì cuộc sống của họ không theo một nghề chính nào chủ yếu là dựa vào canh tác rẫy do vậy thường là họ không có tiền. Những lúc vào mùa thu nhập gia đình rất cao khoảng 10 – 15 triệu đồng, nhưng vào mùa khác họ lại rất kẹt tiền vì không còn sản phẩm để bán. Nếu tiền nhận khoán chưa được nhận kịp mà họ lại rất cần tiền do đó nếu trong nhà không có gì để bán thì họ sẽ xâm nhập vào rừng để khai thác lâm sản trái phép sau đó đem bán để giải quyết nhu cầu trước mắt cho họ

Có nguồn chất đốt: tài nguyên rừng ngày càng khan hiếm đối với người dân, muốn có phải đi sâu vào trong rừng, đi xa mới có. Khi đã giao rừng cho họ QLVR, họ đã biết nhu cầu chất đốt cần sử dụng trong gia đình. Vì vậy họ chủ động quản lý và sử dụng chất đốt cho gia đình mà không cần phải đi đâu xa để lấy, có thể lấy ngay trên lô rừng nhận khoán của mình.

Có bãi chăn thả và canh tác cây ngắn ngày: ngoài việc tăng thu nhập và nguồn lợi kinh tế cho gia đình thì giao khoán rừng tạo điều kiện cho họ vừa có bãi chăn thả, vừa có thể canh tác cây ngắn theo thư quyền lợi đã quy định

Đồng thời qua giao khoán rừng tạo điều kiện cho họ có cơ hội tiếp xúc với những người ngoài cộng đồng địa phương. Như cán bộ xã, cán bộ lâm nghiệp và đặc biệt là sự giao lưu giữa những hộ nhận khoán với nhau. Những buổi tiếp xúc

này sẽ họ có được những kiến thức khoa học, kỹ thuật mới ứng dụng trong chăn nuôi, nông nghiệp và những thông tin văn hoá xã hội

Kiến thức về rừng cũng được nâng cao dần qua việc thực hiện dự án, mà họ là người tham gia chính.

Trên đây là kết quả phỏng vấn với các hộ Bờ Rông Thăm và Bờ Rông Biêm

b - Khó khăn

Bên cạnh những mặt thuận lợi mà dự án mang lại cho họ. Thì những mặt khó khăn cũng không kém đối với cuộc sống của họ. Sau đây là kết quả phỏng vấn với ông :

Sự tiếp cận tự do của những người thân, người hàng xóm vào lô rừng nhận khoán:

Do tính vị nể mà những người thân hay bà con lối xóm tiếp cận vào lô rừng của họ để khai thác lâm sản trái phép phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của họ. Đặc biệt sự tiếp cận này lại có sự tham gia của gia đình con em cán bộ xã, họ không cần suy nghĩ xem tài sản này của ai, vấn đề tái sinh rừng, môi trường, cạn kiệt tài nguyên rừng

Khi gặp phải sự tiếp cận này họ không thể giải quyết được vì sợ mất lòng hàng xóm, nể cán bộ địa phương xã nên họ chỉ dám nói nhẹ chứ không dám nói thẳng. Họ không đủ can đảm để nói thẳng và đấu tranh thực sự để bảo vệ tài nguyên rừng của mình hoặc nhờ sự giúp đỡ của cơ quan Nhà nước. Vì vậy đến kỳ họ cứ bị trừ tiền công khoán mà hết sức bức tức nhưng chưa làm gì được trong khi những người này vẫn tiếp tục tiếp cận tự do vào rừng.

Không ngăn chặn nổi sự tiếp cận tự do của lâm tặc, những cộng đồng từ bên ngoài vào rừng:

Ngoài việc phải đối mặt với sự tiếp cận tự do của người thân và hàng xóm thì họ lại phải đối mặt với sự tiếp cận của những tay lâm tặc và cả những người đồng bào khác từ Bảo Lộc sang. Khi gặp phải những trường hợp này do họ vốn có trình độ thấp không hiểu biết nhiều về luật và cũng không dám đấu tranh vì sợ bị trả thù cá nhân. Do không dám đấu tranh và báo cáo để BQL giải quyết nên hàng năm rất nhiều hộ bị thôi hợp đồng do rừng bị khai thác nhiều

Trên đây là những bất lợi lớn nhất của người dân gặp phải khi tham gia nhận khoán. Đó là sự tiếp cận của người dân xung quanh và người từ cộng đồng bên ngoài vào.

Kết quả phỏng vấn với ông Xiêm Điền, ông Bờ Rông Vem, ông K'Ngọc

3.7 - Phản hồi của người dân đối với công tác giao rừng

Đối với người dân, đặc biệt là những hộ đồng bào dân tộc nghèo như ở xã La Dạ. Họ luôn mong muốn được giúp đỡ về mọi mặt, cho dù là được nhiều hay

ít. Nhưng khi nói về công tác giao rừng mà BQL rừng Hàm Thuận - Đami đang tiến hành thì có khá nhiều ý kiến mà các hộ nhận khoán đưa ra, cụ thể là xoay quanh các vấn đề chính là:

3.7.1 - Xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng có sự tham gia của người dân

Theo như điều tra khảo sát tại thôn 2 xã La Dạ thì người dân tham gia trong tiến trình rất hạn chế. Các công việc từ thuyết minh thiết kế giao rừng đều do BQL tiến hành. Người dân chỉ là người ngoài cuộc và điều này dẫn đến là họ không biết rõ đối tượng mà mình nhận khoán, thêm vào đó họ sẽ không có quyết tâm đối với công việc mà họ được nhận. Như vậy cần phải xây dựng một mô hình quản lý tài nguyên rừng có sự tham gia của cộng đồng dựa trên hiệu lực quản lý của nhà nước.

Xây dựng một quy chế quản lý bảo vệ rừng tại địa phương đồng thời tuyên truyền rộng rãi cho bà con biết và thực hiện, hiện nay tại xã các hộ di cư vào địa bàn rất nhiều do có công trình thủy điện Đa mi, điều này sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý bảo vệ rừng, các nguy cơ như lấn rừng làm rẫy, khai thác lâm sản tại những khu vực giao khoán. Vì vậy vấn đề đặt ra là địa phương cần quản lý chặt chẽ về về mặt hành chính như nhập khẩu, dân di cư, các cộng đồng khác đang lập nghiệp tại địa phương

Tại khu vực giao khoán, BQL đang tiến hành phân định rõ những vùng đất rẫy, đất sản xuất nông nghiệp và đất có rừng trong vùng quy hoạch và ngoài vùng quy hoạch, điều này cũng đang là mối quan tâm của người dân. Bởi nó sẽ tạo thuận lợi cho công tác quản lý bảo vệ rừng dễ dàng hơn và đặc biệt là người dân sẽ an tâm hơn trong việc canh tác nông nghiệp cũng như làm rẫy không sợ khai hoang vào vùng đất trong quy hoạch và cũng nhằm mục đích tránh được việc sang nhượng đất trong quá trình tham gia thực hiện dự án giao đất sau này.

BQL cũng như Xã cần hỗ trợ người dân nhiều hơn cả về lực lượng lẫn tinh thần đối với công tác quản lý rừng đặc biệt là các khâu tuần tra rừng, các biện pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng trong quản lý bảo vệ rừng.

3.7.2 - Vấn đề hưởng lợi của người dân

Cuộc sống của người dân nơi đây ít nhiều phụ thuộc vào rừng, các nhu cầu về đất sản xuất, nhu cầu về chất đốt, gỗ xây dựng nhà cửa đang là mối quan tâm lớn đối với họ. Đây là vấn đề mà người dân quan tâm nhất mà hiện nay Tỉnh vẫn chưa giải quyết một cách thoả đáng cho họ như vấn đề hưởng lợi theo Nghị định 178,...

Không chỉ nghị định 178 mà hiện nay để đáp ứng tốt nhu cầu của người dân thì Đảng và Nhà nước ta cần đưa ra nhiều chủ trương chính sách phù hợp với

nguyện vọng của người dân về vấn đề sử dụng và hưởng dụng tài nguyên rừng và đất rừng nhất là các khu vực gần dân cư sinh sống

Đối với công tác giao rừng, khi trao quyền cho họ quản lý cần tạo cho họ quyền sử dụng và hưởng dụng tài nguyên rừng như tài sản của họ. Bởi khi đó họ sẽ tập trung đầu tư vốn cũng như sức lao động của họ vào để làm việc như làm cho chính tài sản của mình. Mặt tốt thấy được qua việc này là người dân sẽ an tâm làm ăn trên mảnh đất mà mình được nhận, đời sống dần dần được cải thiện, sẽ không còn tình trạng phá rừng để khai hoang rẫy nữa. Tuy nhiên khi tiến hành làm công việc này cần phải dựa trên cơ sở quản lý Nhà nước về Pháp luật, phải có các văn bản, các hình thức thưởng phạt nghiêm minh để người dân thực hiện tốt tránh những sai phạm.

Đối với việc giao đất, Tỉnh chưa có chủ trương giao đất sản xuất, đây là một vấn đề khuyết chưa thực hiện được do chủ trương của Tỉnh là tập trung bảo vệ thật tốt những diện tích rừng xung yếu. Khi phỏng vấn các hộ nhận rừng về vấn đề này thì đa phần đều thắc mắc tại sao giao rừng cho họ đã 3 năm nay nhưng tại sao không giao khoán đất sản xuất cho họ.

Hiện nay những tác động của việc gia tăng dân số, di cư của cộng đồng khác, nhu cầu khác nhau mà người dân đã ít nhiều tác động vào rừng. Việc ngăn chặn ngay tức thì sẽ không đem lại hiệu quả cao mà đôi khi còn gây ra nhiều ức chế đối với họ có thể giảm dần từ từ cho đến khi dứt hẳn. Vì cuộc sống và sự tồn tại của họ, Đảng và Nhà nước cần đưa ra cụ thể quyền sử dụng và hưởng dụng tài nguyên rừng. Cần phải có kế hoạch, quy hoạch rõ ràng những vùng rừng cũng như đất sản xuất cho người dân chứ không nên làm giống trước đây là không có kế hoạch cụ thể, thường là làm sau khi dự án thực hiện xong dẫn đến việc người dân cứ tiếp tục lấn chiếm đất phá rừng làm rẫy. Nếu làm tốt việc này sẽ không còn xảy ra tình trạng người dân tác động vào rừng.

3.7.3 - Chính sách về tín dụng phát triển nông - lâm nghiệp

Cần có những chủ trương, chính sách phù hợp với lòng dân, khuyến khích họ tham gia một cách tích cực vào dự án quản lý bảo vệ tài nguyên rừng như: đối với các hộ nghèo không có đất và vốn sản xuất thì cho họ vay vốn, đầu tư phát triển chăn nuôi bò bảo đảm cho mỗi hộ hai con bò; hỗ trợ về các dịch vụ khuyến nông khuyến lâm, cung cấp các nguồn giống tốt hỗ trợ cho các hộ đảm bảo sản xuất

Các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học kỹ thuật cần phải thường xuyên cập nhật và phổ biến kịp thời cho các hộ dân. Các kiến thức về kỹ thuật lâm sinh, phương án chống cháy rừng áp dụng vào quản lý BVR. Đối với những mặt này thì các cán bộ phòng kỹ thuật, cán bộ khuyến nông khuyến lâm phải hết sức chú ý để thực hiện

Ngoài việc giao rừng ra, BQL cần tiến hành khảo sát các khu đất trống, đòi trợ giao cho các hộ dân để tiến hành trồng rừng

Kết quả thảo luận với ông Bờ Rông Tâm : Bí thư thôn 3 và Ông Bờ Đàm Ranh: phó chủ tịch Xã La Dạ cùng với đại diện một số hộ thôn 3.

3.8 - Những thuận lợi và khó khăn trong công tác giao khoán quản lý rừng

3.8.1 - Thuận lợi

Công tác giao khoán chủ yếu giao cho các hộ dân tộc, họ vốn có cuộc sống gắn kết với rừng tự nhiên nên rất am hiểu về mọi diễn biến, tác động đến chung quanh vùng rừng cư trú

Người dân vốn sống gần rừng, họ rất am hiểu về khu vực mà mình đang sống. Hằng ngày họ đi vào rừng kiếm củi, săn bắt hải lượm,...Chính những thói quen đi rừng hằng ngày này của người dân rất thuận lợi cho công việc tuần tra bảo vệ rừng

Nơi cư trú của người dân rất gần khu vực giao khoán vì vậy nếu tiến hành giao khoán thì người dân vừa thuận lợi trong việc thu hái củi rừng mà còn có thể thuận lợi trong công tác tuần tra rừng, yếu tố này đảm bảo cho việc bố trí vùng rừng nhận khoán

Đối với người đồng bào dân tộc thiểu số vốn đã quen với cuộc sống ở rừng từ tổ tiên xa xưa. Đối với họ rừng là nơi cung cấp cho họ không những là nguyên liệu, sản phẩm phục vụ cho cuộc sống của họ mà còn là nơi che chở họ trước những thiên tai khắc nghiệt, những lợi ích gắn liền với đời sống của đồng bào dân tộc sẽ tạo thuận lợi cho công tác giao khoán rừng.

Với những thuận lợi như vậy, công tác giao khoán rừng cho đồng bào dân tộc sẽ tạo cho họ vừa tiếp tục phát huy truyền thống xa xưa mà còn tiếp thu được những phương thức QL BVR mới nhằm làm giàu thêm truyền thống xưa của họ.

3.8.2 - Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi của công tác giao khoán rừng, không thể không có những khó khăn:

Do mặt bằng dân cư ở đây kém phát triển, cuộc sống kham khổ khiến cho họ chỉ nghĩ đến việc kiếm cái ăn trước do vậy việc nâng cao dân trí không được mọi người chú trọng. Ví dụ “trẻ em khoảng 6-7 tuổi không được đi học mà phải trông em để bố mẹ đi làm rẫy”, số trẻ em học đến hết lớp 5 là rất ít, phụ nữ không được tham gia tập huấn công tác giao rừng”. Những ví dụ trên đủ cho thấy chính cuộc sống khổ cực, phong tục tập quán lạc hậu đã gây cản trở trong việc nâng cao mặt bằng dân trí. Khi mà người dân có trình độ thấp thì sẽ gây ra nhiều khó khăn trong việc tuyên truyền vận động, triển khai dự án giao khoán

Công tác giao khoán còn mang nặng tính hình thức, chưa phát huy năng lực của người nhận khoán. Do mặt bằng dân trí thấp cộng với sự cục bộ của chính

quyền địa phương, mọi công việc đều do BQL tiến hành, vì không có sự tin tưởng cũng như nếu giao cho người dân làm thì sẽ tốn kém trong tập huấn, đôi khi lại không đạt hiệu quả cao. Chính vì vậy năng lực của người nhận khoán ở đây không được phát huy nhiều do đó chưa có sức thu hút người dân tham gia.

Quan hệ giữa người nhận khoán và chủ rừng còn nhiều nhược điểm như chưa chú trọng đến chất lượng kỹ thuật, chưa phối hợp chặt trong xử lý vi phạm, chưa đánh giá đúng khả năng lao động thực hiện nhiệm vụ của người nhận khoán.

Công tác QLBR vẫn chưa đạt yêu cầu, còn lỏng lẻo, sơ hở, tiêu cực và khó kiểm tra phát hiện cụ thể sự việc. Rừng vẫn suy giảm chất lượng kinh tế và tính năng phòng hộ chưa ngăn chặn được tình trạng khai thác trái phép gỗ nhỏ lẻ diễn ra phổ biến trên các khu rừng gỗ kinh tế

Kết quả thảo luận với ông : Ngô Công Thanh (chủ dự án)

Anh : Nguyễn Công Cử (cán bộ phòng kỹ thuật)

Ông : Bờ Rông Tằm (chủ tịch xã LA Dạ)

3.9 - Sử dụng GIS trong công tác quản lý dữ liệu về giao rừng BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận Đami

3.9.1 Phân tích việc sử dụng GIS theo hai khía cạnh xã hội và kỹ thuật:

Về kỹ thuật:

Hiện nay GIS được xem là rất quan trọng đối với nền lâm nghiệp đang phát triển của nước ta. Với những đòi hỏi thách thức về nhu cầu tiến bộ khoa học kỹ thuật, việc áp dụng GIS vào quản lý trong công tác giao rừng là rất tốt. Nó sẽ làm giảm thiểu phần nào công tác điều tra, quản lý rừng so với trước khi mà mọi hoạt động dựa trên những công cụ thô sơ vừa lâu lại vừa phức tạp cho người sử dụng.

Chủ trương của Tỉnh đưa GIS vào sử dụng từ năm 1999, hiện nay BQL đã và đang ứng dụng rất tốt. Do địa hình phức tạp, đồi núi hiểm trở nên công tác đo vẽ trạng thái rừng, quản lý rừng rất khó khăn; đường xá đi lại rất khó khăn cho công tác đo vẽ bản đồ và lại những bản đồ trước đây do công ty tư vấn thuộc cục đo đạc vẽ đã không còn phù hợp, sai số trong đo đạc quá lớn vì vậy liên hệ giữa rừng thực địa với rừng trên bản đồ sai lệch rất nhiều. Vì vậy việc áp dụng GIS tại BQL là kịp thời. Người đi đo thực địa sẽ dễ dàng và đo nhanh hơn, ngoài ra sẽ giảm được nhân công so với trước đây. Với những điểm mạnh như vậy thì công tác giao rừng đối với GIS sẽ hết sức cần thiết. Kết quả được thực hiện với anh Nguyễn Công Cử.

Về xã hội:

Với những khu vực có nền khoa học phát triển thì GIS đã trở nên thông dụng rất nhiều, nhưng ở Việt Nam mới áp dụng từ vài năm trở lại đây, đặc biệt là tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đami. Mới bắt đầu áp dụng từ năm 1999 nên

việc không chấp nhận của người dân là không thể tránh khỏi, sẽ có những phản ứng nhất thời đối với những hộ có tầm hiểu biết tốt. Do trình độ thấp, phong tục tập quán lạc hậu và thiếu thông tin khoa học nên họ cho rằng GIS không những không đem lại thuận lợi cho họ mà còn gây ra nhiều bất lợi cho họ. Với những động thái cương quyết và dứt khoát thì người dân đã bắt đầu chấp nhận. Khi họ đã có sự tin tưởng thì họ sẽ quan tâm và lưu tâm hơn trong QL BVR, vì họ nghĩ rằng lô rừng của mình được BQL quản lý rất chặt không những trên bản đồ giấy mà còn cả trên máy khi đó họ sẽ không sợ sự tác động bên ngoài nữa. Đạt được mục đích này thì công tác QL BVR sẽ được thực hiện tốt hơn. Kết quả phỏng vấn với ông Bờ Rông Tằm (chủ tịch xã) và một số hộ tham gia nhận khoán.

3.9.2- Phân tích thuận lợi và khó khăn

Với nhiều tính năng của GIS. Chủ trương của Tỉnh năm 1999 đã đưa GIS vào sử dụng trong ngành lâm nghiệp với mục tiêu là giảm thiểu phần nào trách nhiệm quản lý rừng, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng. Hiện nay tại BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận Đami việc đưa GIS vào sử dụng đang được xem là rất quan trọng. Công việc chủ yếu là dùng vào quản lý về giao rừng hoặc đánh giá hiện trạng rừng với mục đích chủ yếu:

- + Kết hợp quản lý rừng không những trên bản đồ mộc mà cả trên vi tính
- + Các biên bản, hợp đồng, diện tích hộ nhận khoán của từng hộ sẽ được cập nhật để phục vụ nhanh cho công tác giao rừng.

a - Thuận lợi

- + Do đã được sử dụng từ năm 1999 nên những dữ liệu như đo vẽ hiện trạng rừng đã có trước, mặc dù có nhiều sai sót và không thích ứng với nhu cầu hiện nay nhưng trước mắt có thể sử dụng tạm thời
- + Được sự quan tâm và tạo điều kiện của Tỉnh
- + Công tác đi đo vẽ hiện trạng rừng, đo diện tích rừng bị tác động thuận tiện vì cơ sở hạ tầng, đường giao thông tốt
- + Đội ngũ cán bộ am hiểu về kỹ thuật và tận tình với công việc

b - Khó khăn

Hiện nay BQL vẫn đang kết hợp sử dụng hai ứng dụng Microsoft Access và Map để quản lý dữ liệu về giao rừng. Công việc này đôi khi gặp khó khăn vì ta phải mở kết hợp hai ứng dụng trên thì mới sử dụng được, sẽ là khó khăn đối với những người chỉ biết sử dụng một trong hai ứng dụng trên.

Do trước đây hiện trạng rừng là của công ty tư vấn thực hiện vẽ bằng máy kinh vĩ, sau đó scan và đưa vào máy vi tính để sử dụng. Nếu hiện trạng rừng không thay đổi thì không sao nhưng hiện trạng rừng ngày càng thay đổi nên dữ liệu cũ không còn phù hợp nữa. Vì vậy cần phải thay thế bằng công

việc nhanh hơn và tiện lợi hơn để có được số liệu chính xác từ đây sẽ tạo ra sự thuận lợi trong công tác quản lý rừng

c - Đề xuất

Do thời gian làm đề tài có hạn và việc tiếp nhận dữ liệu khó khăn nên chúng tôi chỉ đề xuất một phương án giải quyết cho BQL, đó là: chuyển các dữ liệu bên Access hoàn toàn sang Mapinfo để quản lý và xử lý. Nó sẽ thuận lợi hơn ở chỗ:

- + Có thể quản lý một cách chặt chẽ hơn
- + Người sử dụng chuyên về Map có thể làm việc một cách dễ dàng nếu không biết ứng dụng Access
- + Công tác đánh giá tình hình tài nguyên rừng sẽ thuận lợi hơn.

3.9.3 - Thực hiện

CHƯƠNG 4 KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

1 - Kết luận

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy tiến trình thực thi dự án giao khoán rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số là khá chặt chẽ. Việc quy định rõ ràng chức năng, quyền hạn, sự tham gia một cách có hiệu quả của các bên liên quan đã cho thấy bước đầu của công tác giao rừng. Nhưng trong công tác này bị chi phối quá nhiều sự ảnh hưởng của quản lý lâm nghiệp truyền thống về rừng nên khi xây dựng lập dự án đến khi thực thi nó mang xu thế từ trên xuống. Người ngoài cuộc, cụ thể ở đây là BQL quyết định là chủ yếu vì vậy trong quá trình thực thi dự án chưa đạt hiệu quả cao về ổn định vốn rừng, kinh tế xã hội. Vấn đề khác về con người chưa được giải quyết thoả đáng.

Dự án quy định hai bên tham gia chính là BQL và người dân. Thế nhưng lại không đi theo chiều cân bằng hai bên, trong thực tế BQL quyết định mọi công việc là chủ yếu. Vì vậy từ khâu chuẩn bị đến khi thực thi người dân khi tham gia nhận khoán, họ không biết hay không hiểu hết mục đích cũng như tầm quan trọng của dự án, đôi khi họ lại hiểu lệch sang một hướng khác. Mà mục đích của dự án đưa ra là ổn định vốn rừng và nâng cao đời sống người dân vùng cao. Hình thức giao khoán rừng mà BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận-Đami đang triển khai, chủ yếu ký hợp đồng trả công khoán QL BVR với số tiền 100.000 đ/ha/năm và thời gian lại quá lâu (20 năm) nên chưa thực sự tạo sự khuyến khích tham gia của người dân. Vì vậy sự tham gia của người dân trong công tác giao rừng chỉ mang tính hình thức hơn là sự tham gia tự nguyện, rừng vẫn tiếp tục bị tiếp cận tự do và khai thác. Sự tiếp cận này cho thấy sự tham gia quá nhiều vào công việc của BQL đã tạo cho người dân tính ỷ lại và hậu quả là rừng liên tục bị phá, khai thác trái phép; bên cạnh đó nhiều hộ tham gia nhận khoán bị thôi hợp đồng do bảo vệ rừng không tốt.

Quá trình tham gia vào dự án giao khoán của người dân thì sự bất lợi nhiều hơn là có lợi. Đó là vấn đề tiếp cận tự do để kiếm sống của những người dân xung quanh, khai thác lâm sản của người ngoài cộng đồng. Họ vốn là người trung thực,

cuộc sống của họ ít nhiều phụ thuộc vào rừng. Do vậy những việc như khai thác lâm sản trái phép của người ngoài cộng đồng, người dân xung quanh khiến cho họ rất khó khăn trong xử lý; đôi khi không giải quyết được họ đành buông xuôi cho qua chuyện. Hậu quả là họ bị phạt trừ tiền công khoán hay nặng hơn là họ bị buộc thôi hợp đồng. Khi đó công tác giao khoán rừng sẽ không đạt được hiệu quả cao, không những không đáp ứng hết những vấn đề mà người dân đang hết sức quan tâm ngoài số tiền công khoán 100.000đ/ha/năm. Thêm vào đó những chính sách của nhà nước chưa giải quyết thoả đáng và rõ ràng nhất là vấn đề đất canh tác nông nghiệp, vay vốn sản xuất để phát triển kinh tế xã hội miền núi và cả những khoản đầu tư khác như cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất,... vì vậy ít nhiều ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào tiến trình.

Dự án giao khoán rừng vốn chỉ dừng lại ở khoán công QLBRV nên người dân chưa tác động nhiều vào rừng, do đó chưa nâng cao tính năng kinh doanh toàn diện của vốn rừng hiện có. Việc tham gia tuần tra QLBRV vẫn còn mang tính ý lại hơn là tính tự giác. Ngoài ra người dân tham gia nhận khoán chỉ được nhận khoản phí công bảo vệ rừng chứ chưa được nhận đất để canh tác, chưa được hưởng lợi các sản phẩm từ rừng do đó chưa tạo ra nền tảng cho phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia nhận khoán được quy định rất rõ nhưng việc thực hiện không được rõ ràng, nên trong thực tế diện tích rừng giao khoán vẫn tiếp tục bị suy giảm qua các năm. Cách thực thi công tác giao rừng của BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đa mi hiện nay là chưa phản ánh tốt lợi ích của người dân.

Chỉ mới thực hiện dự án giao khoán được 3 năm nhưng số hộ bị cắt hợp đồng cũng khá nhiều, hầu hết những hộ này bị thôi hợp đồng là do họ QLBRV không tốt hoặc móc nối với người ngoài để khai thác lâm sản. Ngoài những hộ bị thôi hợp đồng, những hộ khác dần đã có ý thức tốt hơn về việc QLBRV, họ đã nhận thức được rằng phải bảo vệ rừng tốt thì nhà nước mới cho tham gia bảo vệ rừng tiếp và sẽ không sợ bị thôi hợp đồng hay trừ tiền phạt nữa, đôi khi họ còn mạnh dạn hơn trong việc tố cáo những trường hợp vi phạm để phối hợp với BQL trong xử phạt.

2- Kiến nghị

Để giải quyết những vướng mắc mà BQL rừng phòng hộ Hàm Thuận- Đa mi gặp phải, qua kết quả nghiên cứu đề tài, chúng tôi có kiến nghị sau:

1) Việc xây dựng dự án lâm nghiệp phải lấy người dân làm trung tâm, làm theo chiều ngược lại là sẽ đi từ dưới lên, tức người dân sẽ quyết định phần lớn công việc. Để sự tham gia của người dân sẽ đúng với vai trò của hoạt động lâm nghiệp xã hội và phù hợp với các vấn đề mà họ đề cập.

2) Dự án nên mở rộng quy mô cho nhiều người tham gia hoặc mở rộng nhiều hình thức như trồng rừng hay những công tác tía thưa trong phát triển tài nguyên rừng. Có thể cho các hộ nhận khoán tham gia nhận khoán 10-15 ha, với diện tích như vậy sẽ có nhiều hộ tham gia giao khoán, vừa đảm bảo cho công tác tuần tra rừng của người dân được tốt vừa tạo cho người dân có những nhận thức tốt hơn trong quản lý tài nguyên rừng.

3) Cần tạo điều kiện cho người dân ổn định cuộc sống, vấn đề phát triển kinh tế xã hội miền núi, quyền sử dụng đất và rừng lâu dài thông qua việc cấp sổ đỏ hoặc tổ chức cho vay vốn sản xuất để người dân có thể an tâm hơn trong khi tham gia giao khoán rừng.

4) Ngoài chính sách lâm nghiệp xã hội, các cơ quan liên ngành tại khu vực giao khoán rừng cần hết sức chú tâm trong quản lý người dân di cư. Công việc này đòi hỏi phải thực hiện tốt không những tạo cho người dân an tâm trong lúc tham gia nhận khoán. Ngoài ra cần quan tâm đầu tư hoặc thông qua nhiều hoạt động để thu hút nhiều hoạt động đầu tư của các tổ chức trên thế giới, nhằm thu hút đầu tư để phát triển bộ mặt kinh tế xã hội miền núi hiện nay là hỗ trợ về nhiều điều kiện như trường học, y tế, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, khuyến nông - khuyến lâm,...Khi những nhu cầu của người dân được đáp ứng họ sẽ có ý thức tốt hơn trong QLBR.